SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

--------o0o-------

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO

(Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0400438101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 08 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Quyết định niêm yết số:…../ QĐ - SGDHN do……..……cấp

ngày……tháng……năm……..

BẢN CÁO BẠCH NÀY, TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO
Tầng 1 Tòa nhà số 24 Phan Bội Châu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 3894717 - Fax: (0511) 3863736

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ
Tầng 3 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: +84 4 35771733 Fax: +84 4 35771741

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Lê Minh
Điện thoại: 05113.894717

CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO

Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0400438101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 08 năm 2009

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: **CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO**
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:10.000 *(mười nghìn)* đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:1.200.000 *(một triệu hai trăm nghìn)* cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết	:12.000.000.000 *(mười hai tỷ)* đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ
Tầng 3 tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại: +84 4 35771733 Fax: +84 4 35771741
http://www.chungkhoanthudo.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: +84.511.3655886 Fax: +84.511.3655887
http://www.aac.com.vn

MỤC LỤC

PHẦN I **5**

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **5**

1. Rủi ro về biến động kinh tế 5
2. Rủi ro về Pháp luật 5
3. Rủi ro đặc thù ngành 5
4. Rủi ro tỷ giá, lãi suất và lạm phát 6
5. Rủi ro khác 7

PHẦN II **8**

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **8**

1 Tổ chức niêm yết - CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO 8

2 Tổ chức tư vấn - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ 8

PHẦN III **9**

CÁC KHÁI NIỆM **9**

PHẦN IV **10**

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT **10**

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 10

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 10

1.2. Giới thiệu về Công ty 10

2. Cơ cấu tổ chức Công ty: 12

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty: 20

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông tính đến ngày 20/08/2010. 29

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Công ty Cổ phần Portserco, những công ty mà Công ty Cổ phần Portserco nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Portserco: 30

6. Hoạt động kinh doanh 30

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 31

6.2. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào 32

6.3. Chi phí sản xuất 33

6.4. Trình độ công nghệ 34

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 34

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ: 35

6.7. Hoạt động Marketing 35

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 36

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết 36

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 37

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2008 – 6T/2010 37

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009 38
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 39
9. Chính sách đối với người lao động 42
10. Chính sách cổ tức 43
11. Tình hình hoạt động tài chính 44
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2009 44
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 49
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 49
12.1. Danh sách 49
12.2. Sơ yếu lý lịch 50
13. Tài sản 58
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012 59
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 63
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Portserco 64
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: 64
PHẦN V 65
CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 65
1. Loại chứng khoán: 65
2. Mệnh giá: 65
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 65
PHẦN VI 68
CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT 68
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT 68
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN 68
PHẦN VII 69
PHỤ LỤC 69 68

PHẦN I

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về biến động kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp. Chịu ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng những năm trở lại đây Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Theo Tổng cục thống kê tốc độ tăng trưởng năm 2007 đạt 8,48%, năm 2008 đạt 6,23%, năm 2009 đạt 5,32%[1] so với cùng kỳ năm trước. Thời kỳ suy thoái tồi tệ nhất đã qua và nền kinh tế đang đi đúng hướng. Kinh tế phục hồi và tăng trưởng nhanh hơn dự kiến đã tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng ngành vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa, cho thuê kho bãi và bốc dỡ… do nhu cầu thương mại toàn cầu đang dần trở lại thời kỳ trước suy thoái. Những yếu tố vĩ mô nền kinh tế và ngành đã và đang ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của công ty, làm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của công ty trong thời gian tới.

Nhu cầu trao đổi hàng hóa ngày càng gia tăng. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng chiếm tỷ trọng lớn so với GDP. Sự thay đổi về khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu không chỉ ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa mà còn gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của toàn ngành vận tải trong đó có Portserco do lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức gắn liền với hoạt động xuất nhập khẩu của nền kinh tế.

Nhìn chung, trong thời gian tới các yếu tố vĩ mô sẽ ảnh hưởng một cách tích cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Rủi ro về Pháp luật

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Portserco chịu ảnh hưởng của các Văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các Văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các Văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Thêm vào đó vẫn còn tồn tại nhiều quy định phức tạp, chồng chéo trong lĩnh vực hành chính, nhất là những quy định về thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan đến các hoạt động xuất nhập khẩu. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng hải của Portserco.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Biến động giá cả xăng dầu

Với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải, nhiên liệu đầu vào chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí. Từ đầu năm 2010 đến nay, giá cả nhiên liệu đầu vào biến động thất thường. Dự báo trong thời gian tới giá cả nhiên liệu đầu vào tiếp tục diễn biến phức tạp tạo ra rủi ro về chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, ảnh hưởng tới tỷ suất lợi nhuận của Công ty.

Kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào biến động giá cả xăng dầu nếu giá xăng dầu trong nước và thế giới biến động lớn sẽ ảnh hưởng đến các kế hoạch kinh doanh của Công ty. Nhận thức rõ giá nhiên liệu có tác động mạnh tới giá cước vận tải, từ đó ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty, Portserco đã áp dụng những biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm cắt giảm chi phí nhiên liệu, cụ thể như tính toán, xây dựng định mức tiêu hao phù hợp hơn cho tàu, xe, thực hiện

[1] *Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam*

kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng cuộc hành trình, so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nhiên liệu trong nước hoặc nước ngoài tùy từng thời kỳ sao cho giá nhiên liệu là hiệu quả nhất.

Rủi ro tai nạn giao thông

Hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải, Công ty có thể sẽ gặp phải một số rủi ro xảy ra trong quá trình làm việc như tai nạn giao thông làm thiệt hại tài sản và nhân mạng. Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho phương tiện, tài sản và người lao động của mình, tuy nhiên khi tai nạn nghiêm trọng xảy ra, chi phí thường rất lớn và có thể chỉ được chi trả một phần từ công ty bảo hiểm.

Rủi ro cháy nổ

Hoạt động của Công ty liên quan đến việc dự trữ nguyên liệu đầu vào là xăng dầu do đó Công ty cũng đối mặt với rủi ro cháy nổ, hỏa hoạn. Đây là loại rủi ro mà khi xảy ra có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy, Công ty đã trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy bao gồm các thiết bị báo động khi xảy ra cháy, nổ, bình chữa cháy chuyên dụng, đồng thời, Công ty cũng ban hành nội quy an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nhằm hạn chế rủi ro này.

Cạnh tranh từ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải

Trên cả nước có khoảng 200 doanh nghiệp làm dịch vụ hàng hải, trong đó có khoảng 100 doanh nghiệp nhà nước, còn lại là doanh nghiệp tư nhân, hoạt động chủ yếu tại các trung tâm kinh tế và cảng biển lớn như Thành phố Hồ chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu, Đà Nẵng và Quảng Ninh. Số lượng các doanh nghiệp gia nhập thị trường dịch vụ vận tải biển ngày càng tăng trong khi tốc độ phát triển của thị trường chỉ có một mức độ nhất định. Với việc Việt Nam tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, nhất là việc gia nhập AFTA, WTO đã tạo ra sức ép cạnh tranh rất lớn lên các doanh nghiệp trong nước nói chung và Portserco nói riêng khi các doanh nghiệp nước ngoài, các Công ty đại lý vận tải quốc tế lớn tham gia vào thị trường này với tiềm lực lớn mạnh cả về tài chính và năng lực vận chuyển. Để hạn chế mức độ rủi ro, Portserco đã từng bước đầu tư mới và nâng cao năng lực vận chuyển cho đội xe, tàu cũng như mở rộng hơn nữa thị phần cung cấp dịch vụ vận chuyển ra các tỉnh lân cận và toàn tuyến trên cả nước.

4. Rủi ro tỷ giá, lãi suất và lạm phát

Theo Tổng cục thông kê, lạm phát năm 2009 là 6,88%. Đây là một con số khả quan khi Chính Phủ đặt mục tiêu kiềm chế lạm phát 7% năm 2009. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều lo ngại bởi xu hướng giá tăng nhanh ở một số mặt hàng thiết yếu và nguyên vật liệu xây dựng. Cũng theo Tổng cục thống kê lạm phát 5 tháng đầu năm 2010 đã tăng 4,55% so với cuối năm 2009. Mục tiêu của Chính Phủ (đã sửa đổi) đề ra kiềm chế lạm phát ở mức 8% là khá khó khăn. Lạm phát tăng cao ảnh hưởng đến tất cả các thành phần kinh tế Việt Nam tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Lạm phát cao cũng là một nguyên nhân khiến các ngân hàng khó giảm lãi suất huy động và lãi suất cho vay. Mục tiêu của Chính Phủ là đưa lãi suất huy động về phổ biến ở mức 10%/năm và lãi suất cho vay phổ biến ở mức 12%/năm trong thời gian tới là khá khó khăn. Lượng tiền gửi của người dân có xu hướng tăng nhưng kỳ hạn gửi chủ yếu là các kỳ hạn ngắn (dưới 3 tháng), điều này phản ánh kỳ vọng của họ về mức lãi suất cao hơn trong tương lai. Trong khi lượng tiền gửi của các tổ chức có xu hướng giảm trong thời gian gần đây do các tổ chức tận dụng triệt để nguồn vốn nhàn rỗi đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Nguồn huy động vào hệ thống ngân hàng chủ yếu là vốn ngắn hạn, trong khi cho vay sản xuất kinh doanh chủ yếu từ 3-6 tháng trở lên đòi hỏi các ngân hàng phải dự trữ

thanh toán cao dẫn đến chi phí vốn tăng gây khó khăn cho việc hạ lãi suất cho vay. Như vậy, lãi suất cũng đã tạo nên một gánh nặng chi phí cho danh nghiệp, đòi hỏi doanh nghiệp phải sử dụng hợp lý, hiệu quả công cụ tài chính này. Để khắc phục rủi ro này Công ty sẽ hạn chế sử dụng nguồn vốn vay, tăng cường vốn chủ sở hữu thông qua phát hành tăng vốn trong thời gian tới.

Trong những năm trở lại đây, nhà nước áp dụng chính sách quản lý tỷ giá hối đoái linh hoạt có kiểm soát nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với đồng ngoại tệ mạnh biến động không nhiều, khá ổn định. Đặc biệt là tỷ giá USD/VND trong thời những tháng đầu năm 2010 tiếp tục ổn định và nhu cầu ngoại tệ luôn được đáp ứng, trạng thái ngoại tệ tại các ngân hàng luôn dương. Biến động về tỷ giá hối đoái là một nhân tố có thể gây ra rủi ro nhưng trong thời gian tới, tạm thời nhân tố này không ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như rủi ro do hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro do biến động giá cả các yếu tố đầu vào, rủi ro trong quá trình chào hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng,… những rủi ro này cũng có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

PHẦN II

NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1 Tổ chức niêm yết - CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO

Ông Nguyễn Xuân Dũng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Lê Minh	Chức vụ: Giám đốc
Bà Tôn Thị Kim Tuyến	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Huê	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2 Tổ chức tư vấn - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Đại diện: Ông Trương Quốc Hùng Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Portserco. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Portserco cung cấp.

PHẦN III

CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- Portserco — Công ty Cổ phần Portserco
- Công ty — Công ty Cổ phần Portserco
- ĐHĐCĐ — Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT — Hội đồng quản trị
- BKS — Ban kiểm soát
- GĐ — Giám đốc
- BGĐ — Ban Giám đốc
- CBCNV — Cán bộ công nhân viên
- UBND — Uỷ ban Nhân dân
- QĐ — Quyết định
- SXKD — Sản xuất kinh doanh
- TSCĐ — Tài sản cố định
- SGDCK HN — Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Logistics — Dịch vụ giao nhận – kho vận

PHẦN IV

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Portserco nguyên trước đây là Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng thuộc Cảng Đà Nẵng. Xí nghiệp được thành lập ngày 15/06/1993 theo Quyết định số 1163/QĐ của Bộ Giao thông Vận tải.
- Theo đề nghị của Cảng Đà Nẵng và Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, ngày 26/09/2002, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 3086/QĐ-BGTVT, tiến hành cổ phần hóa Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng với tên gọi: Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện mô hình sản xuất kinh doanh đa ngành nghề, lấy vận tải đa phương thức làm nhiệm vụ chính, mở rộng kinh doanh thương mại và dịch vụ hàng hải. Mô hình sản xuất kinh doanh này đã phát huy được hiệu quả, mang lại những kết quả tốt, cụ thể như sau:
  - Trong những năm qua, Công ty liên tục hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được giao, sản lượng năm sau cao hơn năm trước với tốc độ tăng trưởng bình quân hơn 10%/năm, thu nhập và đời sống của cán bộ công nhân viên không ngừng được cải thiện.
  - Năm đầu tiên sau cổ phần hóa 2003, doanh thu của Công ty đạt 42.868.304.607 đồng, thu nhập bình quân 1.721.927 đồng/người/tháng. Sau 05 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, năm 2008, doanh thu toàn Công ty đã đạt 70.517.251.000 đồng, thu nhập bình quân 2.577.908 đồng/người/tháng.
  - Tình hình nguồn vốn kinh doanh cũng tăng cao: năm 2003 là 6 tỷ đồng, đến năm 2008 lên tới 13.570.453.392 đồng.
- Với những kết quả trên, Công ty đã được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty và Công đoàn Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, UBND Thành phố Đà Nẵng tặng nhiều bằng khen, cờ thi đua và nhiều danh hiệu thi đua khác cho Ban lãnh đạo Công ty.
- Nhằm phù hợp với sự phát triển chung của nền kinh tế thị trường và vươn xa khỏi phạm vi trong nước, ngày 31/10/2008 Hội đồng Quản trị Công ty có quyết định số 81/CTHC về việc đổi tên Công ty cổ phần Dịch vụ tổng hợp Cảng Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Portserco.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO**
- Tên giao dịch quốc tế: PORTSERCO JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PORTSERCO
- Trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà số 24 Phan Bội Châu, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: (84.511) 3894717 – 3886577 - 3889390

- Fax: (84.511) 3863736
- Email: portserco@portserco.com
- Website: http://www.portserco.com/
- Logo:

- Vốn điều lệ: Vốn điều lệ thực góp của Công ty cổ phần Portserco theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0400438101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần 5 ngày 27 tháng 08 năm 2009 là 12.000.000.000 *(mười hai tỷ)* đồng, được chia ra thành 1.200.000 *(một triệu hai trăm ngàn)* cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu).

  Công ty cổ phần Portserco đăng ký niêm yết 1.200.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu), tương đương với 100% vốn điều lệ thực góp của Portserco.

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh
  - Kinh doanh vận tải đa phương thức;
  - Sửa chữa cơ khí phương tiện cơ giới thủy bộ;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa;
  - Kinh doanh hàng miễn thuế;
  - Đại lý xăng dầu;
  - Kinh doanh vật tư, nhiên liệu, vật liệu xây dựng;
  - Dịch vụ hàng hải;
  - Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng đến nhóm C;
  - Đại lý đổi ngoại tệ;
  - Cho thuê kho bãi;
  - Dịch vụ bốc xếp hàng;
  - Chế biến và kinh doanh hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu (tại Khu công nghiệp thủy sản Quang Thọ)
  - Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
  - Kinh doanh lữ hành nội địa;
  - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước.

- **Một số thành tựu xuất sắc Portserco đạt được trong quá trình hoạt động và phát triển**
  - Giải thưởng Sao vàng đất việt năm 2008.
  - Bằng khen của UBTW hội các Doanh nghiệp trẻ Việt Nam.
  - Bằng khen của Bộ Giao Thông Vận Tải.

- Bằng khen của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.
- Bằng khen của UBND Thành phố Đà Nẵng.
- Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.
- Bằng khen của Công đoàn Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

Quá trình tăng giảm vốn điều lệ (VĐL)

Thời gian	VĐL ban đầu (đồng)	VĐL tăng thêm (đồng)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Ngày 30/06/2008	6.000.000.000	6.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu của Công ty	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 (*)

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

(*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Portserco dự tính phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ trong năm 2008, chia làm 02 đợt:

- **Đợt 1:** Phát hành 630.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu và người lao động trong Công ty theo phương án lựa chọn người lao động. Trong đó:
  - Phát hành 600.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần. Thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua là 23/03/2008. Thời điểm phát hành từ ngày 30/03/2008 đến ngày 30/06/2008.
  - Phát hành 30.000 cổ phần cho người lao động trong Công ty theo phương án lựa chọn người lao động với giá phát hành 15.000 đồng/cổ phần. Thời điểm chốt danh sách người lao động để thực hiện quyền mua là 23/03/2008. Thời điểm phát hành từ ngày 30/03/2008 đến ngày 30/06/2008.
  - Kết thúc đợt phát hành Công ty chỉ chào bán được 600.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phần phát hành cho người lao động trong Công ty không có người đăng ký mua.
  - Vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt phát hành là **12.000.000.000** đồng.
- **Đợt 2:** Sau khi phát hành cho cổ đông hiện hữu 600.000 cổ phần, do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tình hình kinh doanh lâm vào khó khăn nên Công ty tạm dừng việc đầu tư vào dự án khu dịch vụ hậu cần cảng và tăng vốn điều lệ vào Công ty cổ phần Du lịch Vinashin – Petro. Vì vậy, Công ty đã có Nghị quyết của HĐQT hoãn việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đợt 2 (phát hành 1.770.000 cổ phần).
- Kết thúc năm 2008, số vốn điều lệ của Portserco là **12.000.000.000** đồng
- Kể từ ngày 08/10/2009, Portserco chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2141/UBCK-QLPH.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty:

Sơ đồ

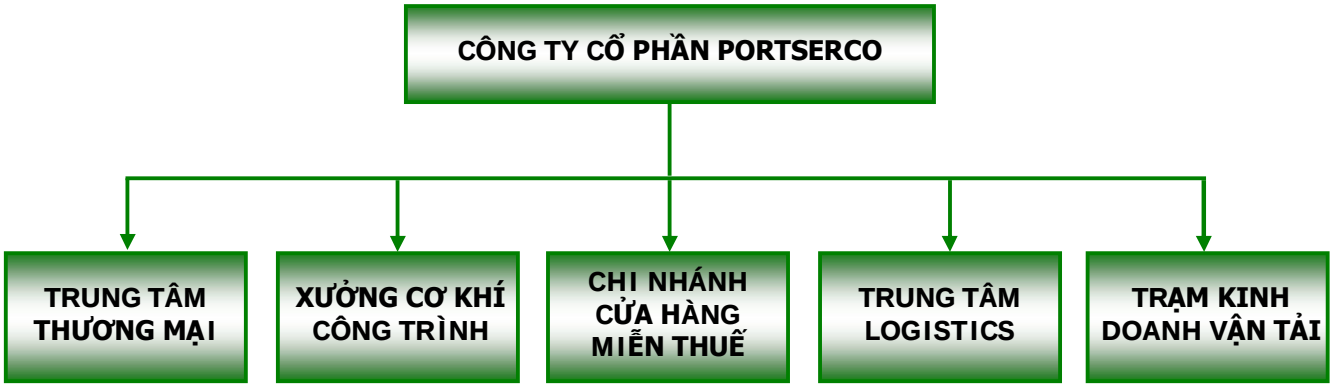

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

Diễn giải sơ đồ

❖ **Trung tâm Thương mại**

- Giới thiệu:

  Địa chỉ: 24 Phan Bội Châu, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

  Điện thoại: 05113.889172. Fax: 05113.863736.

  Số lượng CBCNV: 11 người.

- Chức năng:

  Trung tâm thương mại là đơn vị kinh doanh hoạt động trên lĩnh vực cung ứng và kinh doanh thương mại. Trung tâm có chức năng quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, lao động được công ty giao cho để tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, nhằm hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch do giám đốc công ty giao.

- Nhiệm vụ
  - Đại lý và kinh doanh vật tư, nhiên liệu, vật liệu xây dựng.
  - Kinh doanh nhập khẩu hàng hóa.
  - Tổ chức các hoạt động thương mại, dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép; thực hiện việc liên doanh, liên kết nhằm đa dạng hóa loại hình dịch vụ, thỏa mãn nhu cầu thị trường.
  - Thực hiện cung ứng hàng hóa, vật tư cho các đơn vị trực thuộc theo quy định của Công ty.
  - Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định, quy chế quản lý của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Quyền hạn
  - Đề xuất mô hình tổ chức hoặc các yêu cầu điều chỉnh, bổ sung nguồn nhân lực cần thiết nhằm đảm bảo cho công tác kinh doanh thích hợp với nhu cầu thị trường.
  - Đề xuất việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm với các chức danh quản lý cấp tổ và các chức danh giúp việc khác.

- Điều động nhân lực cho nội bộ Trung tâm nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh trên từng địa bàn và phương thức kinh doanh đảm bảo hợp lý, khách quan và công bằng.
- Đề xuất việc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ, các chính sách khách hàng, chính sách tiếp thị để mở rộng hoạt động của Công ty.
- Thực hiện quy chế trả lương của Công ty trên cơ sở kết quả công tác của từng thành viên trong Trung tâm.
- Được sử dụng con dấu của Công ty vào việc giao dịch theo sự ủy quyền của Giám đốc.
- Có quyền tạm đình chỉ công tác đối với cá nhân của Trung tâm khi có vi phạm nội quy lao động và lập hồ sơ vi phạm cùng ý kiến đề xuất xử lý về Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty trong thời hạn 24 tiếng đồng hồ kể từ khi quyết định tạm đình chỉ.
- Được phép giải quyết cho CBCNV đơn vị nghỉ phép tại chỗ theo chế độ và nghỉ tự túc không quá 2 ngày.
- Được xét duyệt, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua chung của CBCNV đơn vị khi có thông báo của Giám đốc hoặc cơ quan cấp trên.

❖ Xưởng cơ khí công trình

- Giới thiệu:

  Địa chỉ: 04 Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.

  Điện thoại: 05113.896754. Fax: 05113.863736.

  Số lượng CBCNV: 24 người.

- Chức năng:

  Là đơn vị có chức năng quản lý, khai thác và sử dụng tài sản, tiền vốn, lao động được Công ty giao để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sản xuất do Giám đốc Công ty giao trên các lĩnh vực:

  - Sửa chữa, gia công cơ khí, điện;
  - Sửa chữa ôtô, cần cẩu máy và thiết bị nâng, tàu thủy, xà lan;
  - Gia công chế tạo các công cụ xếp dỡ, chi tiết máy;
  - Sửa chữa điện dân dụng.

- Nhiệm vụ

  - Tổ chức sản xuất:

    Căn cứ kế hoạch sản xuất của Công ty và yêu cầu thị trường, tổ chức thực hiện thi công các công trình, các hạng mục gia công sửa chữa đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, định mức vật tư, năng lượng, chất lượng sản phẩm, tiến độ, an toàn lao động theo các quy định và quy chế của Công ty

  - Quản lý nhân lực:

    Trực tiếp quản lý toàn thể CBCNV hiện đang công tác và làm việc tại đơn vị về kỷ

luật, thái độ lao động, ý thức chấp hành Nội quy lao động.

Tính toán, cân đối lực lượng lao động theo kế hoạch sản xuất trên cơ sở đó đề xuất tăng giảm lao động để Giám đốc Công ty và phòng chức năng có kế hoạch bổ sung, sắp xếp lao động kịp thời đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất.

Phân công lao động được giao quản lý phù hợp với ngành nghề sở trường, trình độ nghề của công nhân nhằm khai thác và phát huy tối đa khả năng và tính sáng tạo của công nhân, nâng cao năng suất và chất lượng công việc.

Đôn đốc kiểm tra việc chấp hành kỷ luật lao động của công nhân, có biện pháp ngăn chặn các hiện tượng thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, vi phạm nội quy, quy chế của đơn vị và của Công ty, đề xuất kịp thời để Công ty xử lý kỷ luật những công nhân vi phạm.

Luôn có biện pháp khuyến khích để phát huy tính sáng tạo, sáng kiến trong quản lý và cải tiến kỹ thuật, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý và sản xuất. Phát hiện những nhân tố tích cực, đề xuất để Công ty có hình thức khen thưởng kịp thời, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng.

– Quản lý cơ sở vật chất – thiết bị, vật tư:

  + Quản lý cơ sở vật chất – thiết bị:

    Quản lý nhà xưởng, triền đà, vật kiến trúc, máy móc, các trang thiết bị, vật tư kỹ thuật do Công ty giao xưởng quản lý; có kế hoạch và biện pháp khai thác tối đa công suất, tính năng sản xuất của các trang thiết bị nhằm đạt hiệu quả cao.

    Theo dõi hoạt động, tình trạng kỹ thuật của máy móc, trang thiết bị để lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì theo quy định kỹ thuật sử dụng, phù hợp với yêu cầu kế hoạch sản xuất.

    Xây dựng kế hoạch đầu tư thay thế hoặc đầu tư mới các máy móc, các trang thiết bị nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất, chất lượng sản phẩm và mở rộng quy mô sản xuất, tăng chủng loại sản phẩm.

  + Quản lý vật tư: Việc quản lý vật tư được thực hiện theo Quy định số 60 ngày 27/06/2002.

- Quyền hạn

  – Đề xuất với lãnh đạo Công ty sắp xếp, định biên các tổ sản xuất và điều chuyển nhân lực, thiết bị máy móc trong đơn vị phù hợp với yêu cầu sản xuất, đảm bảo tính hợp lý, công bằng, tăng năng suất lao động.

  – Đề xuất việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý cấp tổ trưởng sản xuất.

  – Có quyền đề nghị Công ty cấp các thiết bị an toàn lao động theo quy định và có quyền từ chối thực hiện những công việc có nguy cơ xảy ra mất an toàn lao động, vệ sinh lao động.

  – Có quyền tạm đình chỉ công tác đối với cá nhân của Xưởng vi phạm Nội quy lao động, và lập hồ sơ vi phạm cùng ý kiến đề xuất xử lý về Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty để Công ty có biện pháp xử lý kịp thời.

- Được phép giải quyết cho CBCNV đơn vị nghỉ phép tại chỗ theo chế độ và nghỉ tự túc không quá 2 ngày.
- Được xét duyệt, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua chung của CBCNV đơn vị khi có thông báo của Giám đốc hoặc cơ quan cấp trên.

  Xưởng trưởng có trách nhiệm lãnh đạo CBCNV trong đơn vị hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, đánh giá thành tích lao động của từng thành viên trong đơn vị.

❖ Chi nhánh cửa hàng miễn thuế

- Giới thiệu:

  Địa chỉ: 01 Yết Kiêu, Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

  Điện thoại: 05113.502782. Fax: 05113.924589.

  Số lượng CBCNV: 02 người.

- Chức năng:

  Chi nhánh là đơn vị có chức năng tổ chức hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực: Hàng hoá miễn thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành. Chi nhánh hoạt động theo cơ chế khoán chi phí trên cơ sở kế hoạch kinh doanh hàng năm được Giám đốc Công ty giao.

- Nhiệm vụ
  - Quản lý và khai thác có hiệu quả tài sản, tiền vốn và lao động của Công ty giao cho.
  - Tổ chức thực hiện kinh doanh các hàng hoá miễn thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành. Cung ứng hàng hoá vật tư cho tàu biển, tổ chức dịch vụ bờ cho thuỷ thủ thuyền viên và khách du lịch đến Cảng bằng tàu biển, quà lưu niệm và hàng miễn thuế, thực hiện các dịch vụ khác khi có yêu cầu. Cửa hàng phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh hàng năm và đảm bảo kinh doanh an toàn.
  - Duy trì sự ổn định của thị trường, quan hệ tốt với khách hàng. Thường xuyên đánh giá thị trường và khách hàng, đề xuất các biện pháp nhằm tăng thị phần và phát triển thị trường, đa dạng hoá sản phẩm hàng hoá - dịch vụ.
  - Chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà nước trong kinh doanh và nội quy - quy chế của Công Ty.
  - Lập báo cáo định kỳ theo tháng - quý - năm theo quy định của Công ty.
  - Thực hiện công tác bảo mật thông tin của Công ty
- Quyền hạn
  - Đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung nguồn lực cần thiết nhằm đảm bảo cho công tác kinh doanh đạt hiệu quả. Có quyền từ chối việc thực hiện nhiệm vụ nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật và Điều lệ của Công ty.
  - Được sử dụng con dấu riêng của Chi nhánh vào việc giao dịch theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty.
  - Đề xuất giá mua, giá bán hàng hoá - dịch vụ, tham gia việc ký kết hợp đồng kinh tế liên quan. Tham gia xây dựng các chính sách khách hàng, chính sách tiếp thị để mở

rộng hoạt động của Cửa hàng và Công ty.

- Đề xuất việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý cấp tổ và các chức danh giúp việc khác.
- Điều động nhân lực trong nội bộ của Cửa hàng một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh .
- Đánh giá kết quả công tác của CBNV Cửa hàng thông qua việc xếp hạng thành tích công tác hàng tháng theo quy định của Công ty .
- Có quyền tạm đình chỉ công tác đối với cá nhân của Cửa hàng khi có vi phạm Nội quy lao động và lập hồ sơ vi phạm theo trình tự quy định để chuyển lên Hội đồng kỷ luật của Công ty trong thời hạn 24 tiếng đồng hồ kể từ khi quyết định tạm đình chỉ.
- Được phép giải quyết cho CBCNV đơn vị nghỉ phép tại chỗ theo chế độ và nghỉ tự túc không quá 3 ngày.
- Được xét duyệt, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua chung của CBCNV đơn vị khi có thông báo của Giám đốc hoặc các cơ quan cấp trên.

Trưởng Chi nhánh có trách nhiệm lãnh đạo CBCNV trong đơn vị hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của đơn vị theo sự phân công của Giám đốc Công ty.

❖ Trung tâm Logistics

- Giới thiệu:

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Thuỷ Sản, P. Thọ Quang, quận Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng.

Điện thoại: 05113.923131. Fax: 05113.923131.

Số lượng CBCNV: 09 người.

- Chức năng:

Trung tâm Logistic là đơn vị có chức năng tổ chức hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực: Đại lý về hàng hải, Khai thác Cảng biển và dịch vụ Kho - Bãi, trên địa bàn không hạn chế. Trung tâm hoạt động theo cơ chế khoán chi phí trên cơ sở kế hoạch kinh doanh hàng năm được Giám đốc Công ty giao.

- Nhiệm vụ:
  - Quản lý và khai thác có hiệu quả tài sản, tiền vốn và lao động của Công ty giao cho.
  - Tổ chức thực hiện các dịch vụ Đại lý Hàng hải, Khai thác Cảng biển, dịch vụ Kho - Bãi, nhận uỷ thác giao nhận kiểm đếm hàng hoá và dịch vụ thông quan hàng hoá, thực hiện các dịch vụ khác khi có yêu cầu. Trung tâm phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh hàng năm và đảm bảo kinh doanh an toàn.
  - Duy trì sự ổn định của thị trường, quan hệ tốt với khách hàng. Thường xuyên đánh giá thị trường và khách hàng, đề xuất các biện pháp nhằm tăng thị phần và phát triển thị trường, đa dạng hoá sản phẩm hàng hoá - dịch vụ.
  - Chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà nước trong kinh doanh và nội quy - quy chế của Công ty.
  - Lập báo cáo định kỳ theo tháng - quý - năm theo quy định của Công ty.

– Thực hiện công tác bảo mật thông tin của Công ty.

- Quyền hạn:

  – Đề xuất điều chỉnh hoặc bổ sung nguồn lực cần thiết nhằm đảm bảo cho công tác kinh doanh đạt hiệu quả. Có quyền từ chối việc thực hiện nhiệm vụ nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật và Điều lệ của Công ty.

  – Được sử dụng con dấu của Công ty vào việc giao dịch theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty.

  – Đề xuất giá mua, giá bán hàng hoá - dịch vụ, tham gia việc ký kết hợp đồng kinh tế liên quan. Tham gia xây dựng các chính sách khách hàng, chính sách tiếp thị để mở rộng hoạt động của Xí nghiệp và Công ty.

  – Đề xuất việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm đối với các chức danh quản lý cấp tổ và các chức danh giúp việc khác.

  – Điều động nhân lực trong nội bộ của Trung tâm một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh.

  – Đánh giá kết quả công tác của CBNV Trung tâm thông qua việc xếp hạng thành tích công tác hàng tháng theo quy định của Công ty .

  – Có quyền tạm đình chỉ công tác đối với cá nhân của Trung tâm khi có vi phạm Nội quy lao động và lập hồ sơ vi phạm theo trình tự quy định để chuyển lên Hội đồng kỷ luật của Công ty trong thời hạn 24 tiếng đồng hồ kể từ khi quyết định tạm đình chỉ.

  – Được phép giải quyết cho CBCNV đơn vị nghỉ phép tại chỗ theo chế độ và nghỉ tự túc không quá 3 ngày.

  – Được xét duyệt, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua chung của CBCNV đơn vị khi có thông báo của Giám đốc hoặc các cơ quan cấp trên.

❖ Trạm kinh doanh vận tải

- Giới thiệu:

  Địa chỉ: 01 Yết Kiêu, Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

  Điện thoại: 05113.924589. Fax: 05113.924589.

  Số lượng CBCNV: 34 người.

- Chức năng:

  Là đơn vị có chức năng quản lý điều hành các phương tiện vận tải, xếp dỡ được Công ty giao để thực hiện kế hoạch sản xuất do Giám đốc Công ty giao trong lĩnh vực vận tải, xếp dỡ hàng hóa, vật tư thiết bị cho khách hàng.

- Nhiệm vụ:

  – Tổ chức điều hành hoạt động của các phương tiện vận tải, xếp dỡ đảm bảo năng suất và chất lượng theo Hợp đồng kinh tế do Công ty đã ký kết với khách hàng. Điều phối hoạt động của phương tiện vận tải phải đảm bảo tính hợp lý, tiết kiệm, công bằng và luôn tuân thủ những quy định, lệnh điều động của Công ty.

  – Theo dõi hoạt động của các phương tiện, trực tiếp giải quyết các vấn đề phát sinh tại

hiện trường sản xuất nhằm đảm bảo đúng tiến độ và năng suất, chất lượng công việc đã ký kết với khách hàng. Trong trường hợp gặp khó khăn quá quyền hạn của Trạm thì phải báo cáo ngay để lãnh đạo Công ty có biện pháp xử lý kịp thời.

- Đôn đốc, nhắc nhở người điều khiển phương tiện chấp hành nghiêm chỉnh các nguyên tắc thể lệ giao nhận, bảo quản hoàng hóa, thực hiện các biện pháp an toàn lao động khi xếp dỡ, vận chuyển; chấp hành các quy định an toàn về giao thông đường bộ.
- Theo dõi hoạt động, tình trạng kỹ thuật của các phương tiện để lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa theo quy định kỹ thuật sử dụng.
- Giải quyết các thủ tục cần thiết đảm bảo phương tiện được hoạt động đúng theo luật định.
- Tham gia đề xuất với Công ty trong việc khai thác nguồn hàng vận tải và dịch vụ xếp dỡ; tham gia xây dựng giá cước vận chuyển, khoán chi phí cho lái xe nhằm xây dựng giá thành linh hoạt hợp lý.
- Khắc phục nhanh các sự cố kỹ thuật của phương tiện tại hiện trường nhằm nhanh chóng đảm bảo yêu cầu sản xuất.
- Đôn đốc kiểm tra việc chấp hành kỷ luật lao động của CBCNV trong Trạm, có biện pháp ngăn chặn các hiện tượng thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, vi phạm nội quy, quy chế của Trạm và của Công ty.

▪ Quyền hạn:

- Đề xuất tạm dừng hoạt động của phương tiện vận tải, xếp dỡ khi phát hiện tình trạng kỹ thuật không đảm bảo, có nguy cơ mất an toàn.
- Có quyền tạm dừng công việc đối với những công nhân không chấp hành lệnh điều động sản xuất, không chuẩn bị đầy đủ các điều kiện kỹ thuật an toàn cho phương tiện hoạt động.
- Thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề quan hệ khách hàng, với các cơ quan liên quan tại hiện trường theo sự ủy quyền của Giám đốc Công ty.
- Từ chối thực hiện việc vận tải, xếp dỡ hàng hóa, vật tư thiết bị khi các điều kiện kỹ thuật an toàn tại hiện trường sản xuất (về mặt hàng, về ánh sáng, về độc tính hàng hóa,...) không đảm bảo theo quy định.
- Đề xuất trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động đủ điều kiện an toàn cho người, phương tiện và hàng hóa.
- Đề xuất các biện pháp cải tiến công tác tổ chức quản lý Trạm phù hợp với kế hoạch sản xuất.
- Có quyền tạm đình chỉ công tác từ 1 đến 3 ngày đối với cá nhân của đơn vị vi phạm nội quy lao động, đồng thời lập hồ sơ vi phạm cùng ý kiến đề xuất để lãnh đạo Công ty có biện pháp xử lý kịp thời.
- Được phép giải quyết cho CBCNV đơn vị nghỉ phép tại chỗ theo chế độ và nghỉ tự túc không quá 2 ngày.

– Được xét duyệt, đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua chung của CBCNV đơn vị khi có thông báo của Giám đốc hoặc cơ quan cấp trên.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

3.1 Sơ đồ

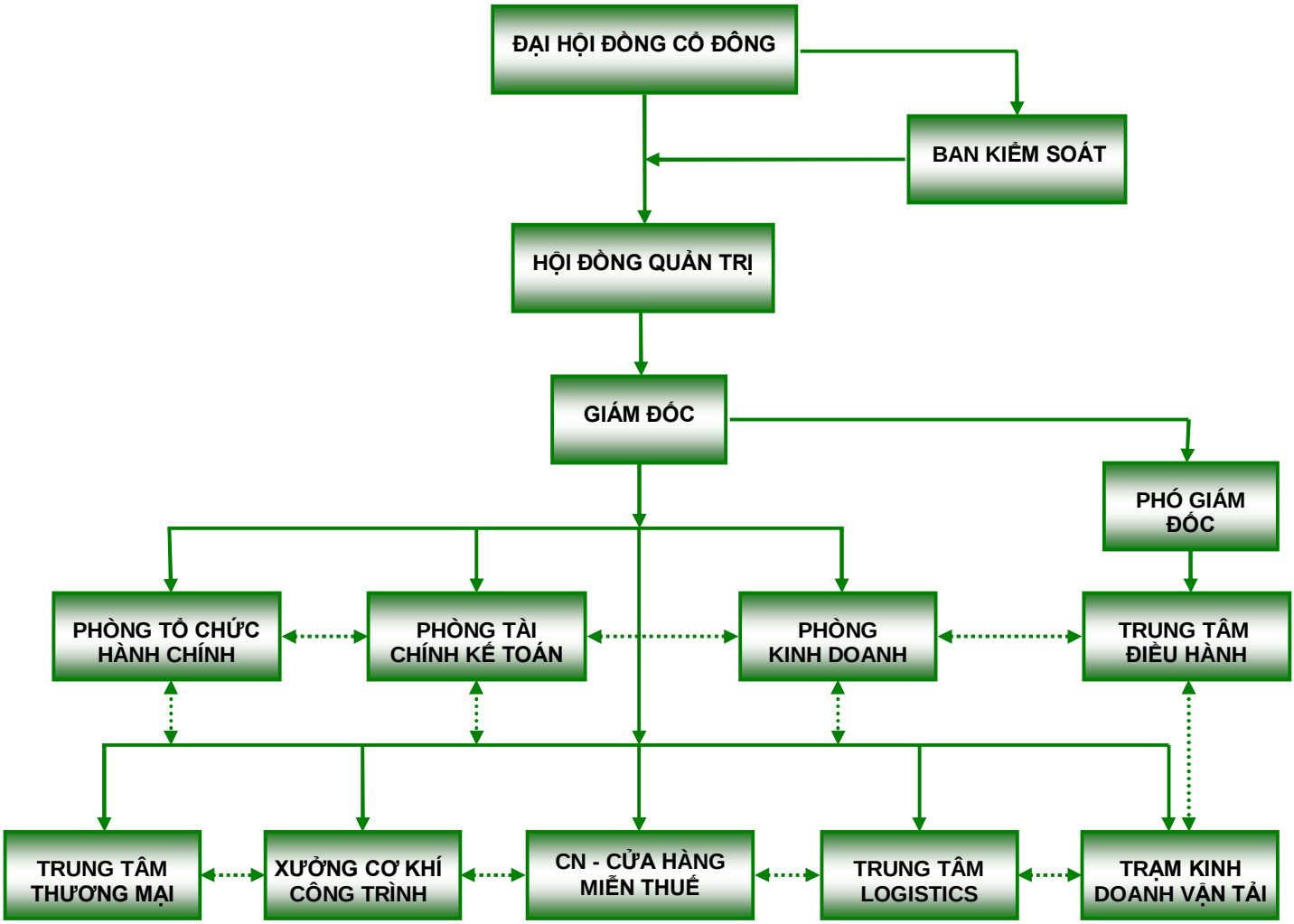

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

3.2 Diễn giải sơ đồ

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Portserco, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo của Hội đồng quản trị, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;

- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán gần nhất;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Portserco, có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị Công ty cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

❖ Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp, độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đề trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

❖ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc điều hành, một Phó Giám đốc và một kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Giám đốc có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng kinh doanh, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT quy định, kiến nghị và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua.
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.

❖ **Các phòng ban chức năng: bao gồm 03 phòng ban và 01 trung tâm điều hành:**

- ***Phòng Tổ chức Hành chính***

Phòng Tổ chức Hành chính có chức năng tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác quản trị nguồn nhân lực, quản trị hành chính và các công tác khác theo sự phân công hoặc uỷ quyền, đảm bảo đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Cty.

✓ ***Phòng có nhiệm vụ sau*** *:*

- Quản lý lao động, tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng lao động tại Công ty, đề xuất việc quy hoạch lao động hợp lý, cân đối và phát triển nhân lực.
- Xây dựng quy chế và tiêu chuẩn tuyển dụng lao động, tổ chức đào tạo - đào tạo lại, huấn luyện nâng cao tay nghề và tổ chức thực hiện việc nâng lương, nâng bậc hàng năm cho người lao động.
- Giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chính sách cho người lao động theo luật định.
- Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế, các hợp đồng lao động; quản lý theo dõi việc thực hiện và đề xuất biện pháp xử lý các trường hợp phát sinh theo luật định.
- Xây dựng định mức tiền lương, quy chế phân phối tiền lương, thưởng phù hợp với luật pháp, Điều lệ và tình hình thực tế của Công ty.
- Xây dựng và triển khai đôn đốc việc thực hiện kế hoạch Bảo hộ lao động theo luật định và quy định của Công ty.
- Quản lý cổ đông và tình hình cổ phiếu của Công ty, theo dõi những diễn biến về cổ đông và đề xuất biện pháp xử lý theo Điều lệ và luật pháp.

- Quản lý lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên. Soạn thảo văn bản trình duyệt khi có yêu cầu và lưu trữ các loại hồ sơ văn thư theo đúng quy trình.
- Xây dựng kế hoạch và theo dõi kế hoạch sử dụng điện nước, văn phòng phẩm, các máy móc thiết bị, vật tư văn phòng; đề xuất biện pháp quản lý và định mức sử dụng hợp lý, đúng mục đích, có hiệu quả.
- Thực hiện công tác bảo vệ và trực cơ quan, tổ chức trang trí văn phòng, cơ quan và các Hội nghị, Đại hội khi có yêu cầu. Thu xếp lịch hội họp, sinh hoạt trong Công ty; tổ chức việc đón tiếp khách hàng, các đoàn khách, đoàn kiểm tra,… làm việc tại Công ty.
- Thực hiện công tác kiểm tra tuần tra, bảo vệ cơ quan nhằm đảm bảo an toàn tài sản của đơn vị và phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng tự vệ của công ty và cán bộ công nhân viên Công ty đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực sản xuất kinh doanh của Công ty và trên địa bàn.
- Xây dựng phương án và thực hiện các biện pháp bảo vệ đơn vị, phòng chữa cháy khi xảy ra các tình huống đột xuất.
- Quản lý xe con, thực hiện đưa đón lãnh đạo và phục vụ nhu cầu công tác của các đơn vị trong Công ty theo quy chế của Công ty .
- Tham mưu thực hiện công tác thi đua khen thưởng - kỷ luật trong nội bộ Công ty trên cơ sở xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể. Tham mưu trong công tác giải quyết các đơn thư khiếu kiện của người lao động.
- Thực hiện công tác bảo mật thông tin của Công ty.

✓ ***Quyền hạn của phòng Tổ chức Hành chính***

- Đề xuất các giải pháp bố trí sắp xếp, sử dụng hợp lý lao động, phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Được quyền kiểm tra, đánh giá việc sử dụng lao động tại các đơn vị, đề xuất việc ký kết hợp đồng lao động hoặc huỷ hợp đồng theo luật định. Kiểm tra và đánh giá việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về công tác Lao động, công tác Bảo hộ lao động, công tác Thi đua khen thưởng - kỷ luật trong các đơn vị thuộc Công ty.
- Kiểm tra theo dõi và đề xuất biện pháp nhằm hợp lý hoá, tiết kiệm trong việc sử dụng điện nước, văn phòng phẩm, máy móc thiết bị văn phòng.
- Đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng công tác hành chính của Công ty cải tiến thủ tục hành chính, tạo môi trường xanh sạch đẹp, giữ gìn an ninh trật tự tại Công ty.
- Được Giám đốc Công ty uỷ quyền ban hành và ký sao lục các văn bản có liên quan đến nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc.

  Trưởng phòng có trách nhiệm lãnh đạo cán bộ công nhân viên trong đơn vị hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của đơn vị, đánh giá thành tích lao động của từng thành viên; đề nghị xét khen thưởng các cá nhân có thành tích trong công tác

quản lý sản xuất và đề nghị xử lý kỷ luật các vi phạm theo nội quy lao động của Công ty.

- ***Phòng Tài chính Kế toán***

Tham mưu cho Giám đốc Công ty công tác Quản trị tài chính, quản lý tiền lương và công tác thống kê - kế toán của Doanh nghiệp, đảm bảo việc bảo toàn và phát triển vốn, tuân thủ nghiêm túc luật pháp và Điều lệ của Công ty

✓ ***Nhiệm vụ của phòng Tài chính kế toán:***

- Lập kế hoạch tài chính định kỳ, huy động và quản lý các nguồn vốn, có kế hoạch sử dụng các nguồn vốn đạt hiệu quả cao nhất.
- Phân cấp quản lý về vốn đối với các đơn vị trực thuộc, kiểm tra việc quản lý và sử dụng vốn tại các đơn vị và tạo điều kiện cho các đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh.
- Kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tính toán giá thành hợp lý tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh của Công ty.
- Chấp hành nghiêm túc Chuẩn mực kế toán, thực hiện đúng chế độ tài chính của nhà nước thực hiện chế độ báo biểu theo quy định, chính sách thuế. Kiến nghị kịp thời khi phát hiện thấy vướng mắc giữa thực tế hoạt động của Công ty và chủ trương của nhà nước.
- Thực hiện việc đối chiếu và thu hồi công nợ với các khách hàng theo thanh lý hợp đồng đã ký kết.
- Tham mưu cho Lãnh đạo về tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán. Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với quy mô của Công ty đồng thời đáp ứng được yêu cầu của công tác thống kê.
- Lập báo cáo theo định kỳ Tháng - Quý - Năm theo quy định.
- Thực hiện công tác bảo mật thông tin của Công ty.

✓ ***Quyền hạn của phòng Tài chính kế toán***

- Được quyền chủ động quản lý nguồn tài chính của Công ty để có biện pháp sử dụng nguồn vốn tiết kiệm, hợp lý phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
- Được quyền giám sát, kiểm tra thu chi tài chính của các đơn vị trong Công ty, đề xuất xử lý các vi phạm trong chế độ quản lý tài chính.
- Được tham gia xây dựng nội quy, các Hợp đồng kinh tế, xây dựng giá cước, chi phí tại đơn vị trong Công ty.
- Được quyền quan hệ với các doanh nghiệp, cá nhân để giải quyết các nhiệm vụ tài chính theo sự uỷ quyền của Giám đốc.
- Được quyền ban hành và ký sao lục các văn bản về lĩnh vực tài chính kế toán và chịu trách nhiệm trước Giám đốc.

Định biên của phòng Tài chính kế toán do Giám đốc Công ty quy định, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong phòng do kế toán trưởng phân công bằng văn bản gửi Giám đốc.

Kế toán trưởng có trách nhiệm lãnh đạo cán bộ công nhân viên trong đơn vị hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của đơn vị, đánh giá thành tích lao động của từng thành viên; đề nghị xét khen thưởng các cá nhân có thành tích trong công tác quản lý sản xuất và đề nghị xử lý kỷ luật các vi phạm theo Nội quy lao động của Công ty.

- ***Phòng kinh doanh***

Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác kinh doanh của Công ty bao gồm công tác Maketing, chính sách bán hàng, chăm sóc khách hàng, công tác quản lý, tổ chức và điều hành các hoạt động kinh doanh,… nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất, không ngừng nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty

✓ ***Nhiệm vụ của phòng Kinh doanh***

- Xây dựng kế hoạch và triển khai công tác nghiên cứu thị trường. Tổng hợp và đánh giá kết quả nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh, phương án đầu tư và kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả trên từng lĩnh vực ngành nghề.
- Xây dựng chính sách bán hàng, chính sách khách hàng phù hợp với từng thời kỳ kinh doanh của Công ty. Xây dựng chương trình và tổ chức thăm khách hàng theo định kỳ.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn, trung hạn và ngắn hạn theo nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị để trình lãnh đạo Công ty phê duyệt. Đề xuất các biện pháp triển khai hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.
- Tổng hợp, phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh theo tháng, quý, năm, theo nhóm dịch vụ và theo đối tượng khách hàng để báo cáo lãnh đạo Công ty.
- Xây dựng giá thành kinh doanh - dịch vụ có tính cạnh tranh cao, đảm bảo lợi ích các bên tham gia và duy trì quan hệ tốt với các đối tác.
- Thương lượng, soạn thảo nội dung và tham mưu ký kết các Hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước; theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện. Trực tiếp giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các tranh chấp khi có sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế, tổ chức thanh quyết toán các Hợp đồng kinh tế với khách hàng khi hoàn thành công việc.
- Tiếp nhận thông tin của các khách hàng để tham mưu cho lãnh đạo Công ty triển khai thực hiện công tác sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- Xây dựng quy trình quản lý, tổ chức và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty bảo đảm sự chỉ đạo tập trung nhưng linh hoạt, phát huy tính năng động và sáng tạo của các đơn vị thừa hành. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện của các

đơn vị trực thuộc trên cơ sở xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ và khoa học.

– Nghiên cứu các hoạt động liên doanh - liên kết nhằm tăng nguồn lực kinh doanh của Công ty và mở rộng thị trường.

– Thực hiện công tác bảo mật thông tin của Công ty.

✓ ***Quyền hạn của phòng Kinh Doanh***

– Kiểm tra và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc theo nội dung phân công của Giám đốc Công ty. Đề xuất các biện pháp sử lý thích hợp như đề nghị khen thưởng hoặc kỷ luật trong kinh doanh.

– Được quyền trực tiếp ký kết Hợp đồng kinh tế và thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty. Quản lý các Hợp đồng kinh tế của Công ty.

– Tham gia xây dựng và quản lý giá mua, giá bán hàng hoá - dịch vụ của Công ty.

– Có quyền thu thập thông tin và chất vấn những cá nhân liên quan để làm rõ các nội dung của công tác kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc, từ đó đề xuất lãnh đạo Công ty các giải pháp bổ sung kịp thời đảm bảo cho việc kinh doanh đạt kết quả tốt nhất.

– Đề xuất việc đào tạo chuyên môn - nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên thuộc phòng.

Định biên của phòng Kinh doanh do Giám đốc Công ty quy định, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do trưởng phòng phân công bằng văn bản.

Trưởng phòng có trách nhiệm lãnh đạo cán bộ công nhân viên trong đơn vị hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của đơn vị, đánh giá thành tích lao động của từng thành viên; đề nghị xét khen thưởng các cá nhân có thành tích trong công tác quản lý sản xuất và đề nghị xử lý kỷ luật các cá nhân vi phạm theo Nội quy lao động của Công ty

▪ ***Trung tâm điều hành***

Là Bộ phận có chức năng tổ chức thực hiện hoạt động vận tải; phương tiện đúng chủng loại, đủ số lượng, kịp tiến độ như hợp đồng Công ty đã ký kết với khách hàng.

✓ ***Nhiệm vụ của Trung tâm Điều hành:***

– Tiếp nhận thông tin:

– Tiếp nhận thông tin, kế hoạch làm hàng từ Phòng Kinh doanh, lập kế hoạch, cân đối nguồn lực, bố trí hợp lý thời gian làm việc, của từng chuyến hàng cập nhật lên mạng.

– Lập danh sách phương tiện bên trong và bên ngoài hàng ngày trên mạng để tiện điều động thực hiện công việc.

– Khai thác hàng hoá sử dụng nguồn lực thừa và một số nguồn lực ngoài để cung ứng các dịch vụ vận chuyển cũng như các dịch vụ khác.

- Lập phương án thực hiện:
- Cân đối phương tiện bên trong, bên ngoài và công nhân lái xe hợp lý, đúng chủng loại, đúng thời gian. Bố trí nhân viên hiện trường phù hợp. Trình phương án vận chuyển cho Lãnh đạo Công ty duyệt để thực hiện.
- Theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động của phương tiện, trong quá trình diễn ra dịch vụ, phối hợp với Phòng Kinh doanh, chủ hàng và Cảng Đà Nẵng xử lý những tình huống phát sinh trong quyền hạn cho phép để hoàn thành công việc theo nội dung phương án đã đề ra.
- Tổng hợp và báo cáo :
  + Sau khi hoàn thành dịch vụ, tiến hành tổng hợp số liệu, đánh giá kết quả thực hiện.
  + Tổng hợp tình hình sử dụng của phương tiện hàng tháng, sản lượng xe tấn/km.
  + Báo cáo lên Lãnh đạo Công ty vào ngày 05 hàng tháng.
- Thực hiện công tác bảo mật thông tin của Công ty.

✓ ***Quyền hạn của Trung tâm Điều hành:***

- Đề xuất với Ban lãnh đạo Công ty về việc bố trí phương tiện bên trong và bên ngoài Công ty hài hoà và đồng đều. Đề xuất các biện pháp cải tiến công tác vận tải phù hợp với nhiệm vụ của từng thời điểm, từng dịch vụ để đạt hiệu quả cao nhất.
- Có quyền từ chối thực hiện nhiệm vụ khi phát hiện thấy dấu hiệu phạm pháp hoặc không đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, hàng hoá.
- Thay mặt Công ty giải quyết các vấn đề tại hiện trường, với cơ quan liện quan tại hiện trường theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty.
- Có quyền đình chỉ những lái xe và phương tiện vi phạm Nội quy lao động của Công ty và vi phạm quy định của Nhà nước 01 ngày và bố trí lực lượng khác thay thế để không ảnh hưởng đến tiến độ công việc.
- Tham gia dự họp định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do Lãnh đạo Công ty tổ chức. Tổ chức sinh hoạt Bộ phận định kỳ tháng hoặc đột xuất để rút kinh nghiệm và ngày càng hoàn thiện về nghiệp vụ và phục vụ tốt nhất nhu cầu của công việc.

  Định biên của Trung tâm do Giám đốc Công ty quy định, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do trưởng Trung tâm phân công bằng văn bản.

  Trưởng Trung tâm có trách nhiệm lãnh đạo CBCNV trong đơn vị hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của đơn vị, đánh giá thành tích lao động của từng thành viên; đề nghị xét khen thưởng các cá nhân có thành tích trong công tác quản lý sản xuất và đề nghị xử lý kỷ luật các cá nhân vi phạm theo Nội quy lao động của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông tính đến ngày 20/08/2010.

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 20/08/2010

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Tòa nhà Ocean Park, Số 01 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	0106000600	360.000	30
	Tổng cộng			**360.000**	**30**

Nguồn: Công ty Cổ phần Portserco

Bảng 2. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty và tỷ lệ nắm giữ

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Nguyễn Xuân Dũng (Đại diện phần vốn Nhà nước)	47/14 Nguyễn Du, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	200187035	360.000	30
2	Nguyễn Lê Minh	32 Cao Thắng, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	201048057	30.000	2,5
3	Trần Viết Hòe	K36/6 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	201273014	10.240	0,85
4	Dương Thị Huê	02 Đống Đa, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	200325569	2.000	0,17
5	Lê Văn Xuân	11/16 Đống Đa, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	200186318	3.020	0,25
	Tổng cộng			**405.260**	**33,77**

Nguồn: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400438101 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 26/12/2002 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27/08/2009 của Công ty cổ phần Portserco.

- Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

  Công ty cổ phần Portserco được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26/12/2002. Như vậy, đến nay mọi hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 20/08/2010

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước:	**125**	**1.178.890**	**98,24%**
– *Tổ chức*	*01*	*360.000*	*30%*
– *Cá nhân*	*124*	*818.890*	*68,24%*
II. Nước ngoài:	**0**	**0**	**0%**
– *Tổ chức*	*0*	*0*	*0%*
– *Cá nhân*	*0*	*0*	*0%*
III. Cổ phiếu quỹ:		**21.110**	**1,76%**
Tổng cộng	**125**	**1.200.000**	**100**

Nguồn: Sổ đăng ký cổ đông ngày 20/08/2010 của Công ty cổ phần Portserco.

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Công ty Cổ phần Portserco, những công ty mà Công ty Cổ phần Portserco nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Portserco:

Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Portserco: không có.

Công ty mà Công ty Cổ phần Portserco nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có.

6. Hoạt động kinh doanh

❖ Tổng quan về hoạt động kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong những năm qua: Kinh doanh vận tải đa phương thức; sửa chữa cơ khí phương tiện cơ giới thủy bộ. Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, cửa hàng miễn thuế. Đại lý xăng dầu. Kinh doanh vật tư, nhiên liệu, vật liệu xây dựng. Dịch vụ hàng hải. Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng đến nhóm C. Đại lý đổi ngoại tệ. Cho thuê kho bãi. Dịch vụ bốc xếp hàng. Chế biến và kinh doanh hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu (tại Khu công nghiệp thủy sản Thọ Quang). Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước.

- Vận tải đa phương thức: Thông thường Khi nhận được đơn vận chuyển của khách hàng, Phòng Kinh doanh tiếp nhận, ký hợp đồng, giao kế hoạch cho Trung tâm điều hành xe, trung tâm điều hành xe lên kế hoạch làm hàng, phương án bố trí xe, bố trí nhân viên hiện trường, trạm Kinh doanh vận tải chuẩn bị xe vận chuyển hàng theo yêu cầu vận chuyển.
- Sửa chữa cơ khí phương tiện cơ giới thủy bộ: Với đội ngũ cán bộ công nhân viên có tay nghề cao có khả năng cung cấp và sửa chữa những công trình lớn như :
  - Tàu, xà lan, cẩu, ngoạm, băng chuyền.
  - Gia công, lắp đặt các thiết bị, bệ đỡ.
  - Thực hiện các hạng mục lắp ráp khung, dàn các công trình công nghiệp và dân dụng.

– Đặc biệt thực hiện tốt các nhu cầu sửa chữa và bảo dưỡng xe cơ giới như: Kamaz, Isuzu, Huyndai ....

Quy trình sửa chữa: Khi có xe vào xưởng sửa chữa, bộ phận kỹ thuật tiếp nhận, mời chủ phương tiện và công nhân kỹ thuật giám định sự việc hư hỏng, lập dự toán, triển khai dự toán: Bố trí công nhân, thời gian hoàn thành, thiết bị thay thế… đến khi hoàn thành xong công việc, Máy móc thiết bị phù hợp với công việc.

- Kinh doanh nhiên vật liệu, Castrol: Cung ứng nhiên liệu cho các phương tiện giao thông thuỷ bộ, các công trình, nhà máy và xí nghiệp,...
- Dịch vụ hàng hải: tập trung môi giới hàng hải và thủ tục xuất - nhập khẩu cho chủ hàng.

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		6T/2010	
		Giá trị (đồng)	(%) Doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	(%) Doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	(%) Doanh thu thuần
1	Doanh thu về bán hàng	20.167.433.613	20,47	17.873.950.767	15,80	9.752.221.572	26,27
2	Doanh thu từ hoạt động vận tải	46.560.316.438	47,27	58.633.667.134	51,84	26.873.897.777	72,40
3	Doanh thu từ dịch vụ ăn uống	1.608.913.343	1,63	1.161.370.100	1,03	276.909.091	0,75
4	Doanh thu từ dịch vụ sửa chữa cơ khí	2.176.477.564	2,21	1.012.033.606	0,89	213.493.357	0,58
5	Doanh thu BĐS	27.990.227.000	28,42	34.427.625.700	30,44	-	-
	Tổng cộng	**98.503.367.958**	**100**	**113.108.647.307**	**100**	**37.116.521.797**	**100**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco.

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		6T/2010	
		Giá trị (đồng)	(%) Lợi nhuận gộp	Giá trị (đồng)	(%) Lợi nhuận gộp	Giá trị (đồng)	(%) Lợi nhuận gộp
1	Hoạt động bán hàng	559.875.717	13,98	458.080.330	2,47	229.577.122	9,79
2	Hoạt động vận tải	3.361.748.849	83,93	2.683.449.364	14,51	2.113.763.194	90,16
3	Dịch vụ ăn uống	39.444.691	0,98	27.330.812	0,15	1.164.585	0,05

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		6T/2010	
		Giá trị (đồng)	(%) Lợi nhuận gộp	Giá trị (đồng)	(%) Lợi nhuận gộp	Giá trị (đồng)	(%) Lợi nhuận gộp
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí (*)	44.517.994	1,11	-	-	-	-
5	Bất động sản	-	-	15.326.631.734	82,87	-	-
	Tổng cộng	**4.005.587.251**	**100**	**18.495.492.341**	**100**	**2.344.504.901**	**100**

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

(*): Năm 2009 do Công ty phải thực hiện giải tỏa di dời cây xăng dầu theo chủ trương chung của UBND Thành phố Đà Nẵng. Việc này làm cho hoạt động sửa chữa Xà lan, tàu thuyền tại Triền đà của Xưởng Cơ khí Công trình đã phải ngừng hoạt động và gây ảnh hưởng đến hoạt động sửa chữa cơ khí của Công ty. Do vậy, trong năm 2009 và 6T/2010, Dịch vụ sửa chữa cơ khí chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sửa chữa các phương tiện vận tải của Công ty. Vì thế, Công ty chỉ tính doanh thu cân bằng với giá vốn nên lợi nhuận gộp từ hoạt động sửa chữa cơ khí trong năm 2009 và 6T/2010 là không có.

6.2. Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Là Doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ vận tải nên chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ tương đối cao trong chi phí sản xuất kinh doanh, tuy nhiên, các nguồn nguyên liệu được cung cấp từ các nhà cung cấp trong nước lâu năm nên nguồn cung tương đối ổn định.

Một số nguồn cung nguyên vật liệu chính của Portserco.

Bảng 6. Danh mục các nhà cung cấp nguyên vật liệu

STT	Tên nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
1	Nhiên liệu	Công ty xăng dầu khu vực V
2	Dầu công nghiệp Castrol	Công ty TNHH Castrol – BP Petco
3	Vật tư – xăm lốp oto	Công ty TNHH DV và TM Ân Điển

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Các nhà cung cấp các loại nguyên liệu chủ yếu cho Công ty để sản xuất ra các sản phẩm thường được Công ty chọn theo tiêu chuẩn có nguồn hàng chất lượng tốt, tính ổn định cao, sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu đặt hàng và có mức giá cạnh tranh nhất.

Các loại nguyên liệu được Công ty lấy từ các đối tác thương mại trong nước, mà phần lớn là mặt hàng nhập khẩu. Do vậy Công ty luôn chọn dòng sản phẩm có chất lượng tốt nhất của các hãng có tên tuổi. Đánh giá được vai trò quan trọng của nguồn nguyên liệu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Portserco đã xây dựng mối quan hệ lâu dài, uy tín với hệ thống các nhà cung

cấp trong nước. Nhờ vậy, nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Portserco luôn ổn định và đáp ứng kịp thời, đầy đủ khi có nhu cầu.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Thực tế trong vài năm trở lại đây, tỷ lệ lạm phát cao đã ảnh hưởng đến tất cả các thành phần kinh tế, Portserco cũng không ngoại lệ. Nhằm hạn chế sự biến động giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận, Công ty luôn chủ động đẩy mạnh các biện pháp tiết kiệm chi phí đồng thời luôn theo dõi và cập nhật những biến động về giá cả để đưa ra chính sách dự trữ nguyên vật liệu kịp thời, chủ động. Nhờ vậy, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu trong thời gian qua ít ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Portserco.

6.3. Chi phí sản xuất

Bảng 7. Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty

STT	Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009		6T/2010	
		Giá trị (đồng)	(%) Doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	(%) Doanh thu thuần	Giá trị (đồng)	(%) Doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	94.497.780.707	95,93	94.613.154.966	83,65	34.772.016.896	93,68
2	Chi phí bán hàng	-		-		-	
3	Chi phí QLDN	2.466.734.700	2,5	2.488.194.075	2,2	1.495.669.063	4,03
4	Chi phí tài chính	697.066.005	0,71	1.708.695.329	1,51	634.705.843	1,71
	Trong đó, chi phí lãi vay	*697.066.005*	*100*	*1.708.695.329*	*100*	*634.705.843*	*100*
	Tổng	**97.661.581.412**	**99,14**	**98.810.044.370**	**87,36**	**36.902.391.802**	**99,42**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco.

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty, trung bình trong các năm gần đây giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 91,08% Doanh thu thuần của Công ty. Điều này phản ánh đặc thù của lĩnh vực vận chuyển và cung cấp nhiên liệu phục vụ ngành vận chuyển (sử dụng nhiên liệu chủ yếu phụ vụ cho lĩnh vực này là xăng, dầu. Đây là hai loại nhiên liệu có giá thành cao và luôn biến động theo sự biến động của tỷ giá). Trong năm 2009 mặc dù có những biến động mạnh về giá cả nguyên vật liệu, tỷ lệ Giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty đã giảm nhẹ so với năm 2008, chỉ còn 83,65% Doanh thu thuần. Nguyên nhân là do Công ty đã làm tốt công tác dự báo và ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào chính với mức giá cố định ngay từ đầu năm. Do vậy, trong năm mặc dù giá cả của các loại nguyên vật liệu này biến động tăng mạnh, nhưng do giá cả đầu vào đã được ấn định nên các biến động này không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và cũng chính nhờ vậy đã làm cho tỷ trọng giá vốn trong cơ cấu chi phí của Công ty năm 2008 giảm so với năm 2009. Bên cạnh đó, do sản lượng sản xuất và tiêu thụ năm 2009 tăng so với năm 2008 làm cho chi phí cố định cấu thành giá vốn trong một đơn vị sản phẩm năm 2009 giảm hơn năm 2008.

Chi phí QLDN của Công ty hầu như không có biến động lớn trong các năm vừa qua và chiếm một tỷ lệ nhỏ.

Năm 2009, với việc Công ty tăng số tiền vay Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam – CN Đà Nẵng cả ngắn và dài hạn làm cho chi phí lãi vay năm 2009 tăng mạnh, điều này dẫn đến việc chi phí tài chính của Công ty trong năm 2009 tăng 145,1% so với năm 2008. Khoản vay này Công ty chủ yếu dùng mua đất để kinh doanh tại khu Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang với diện tích là 7.320 m^2.

Sang 6T/2010, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 93,68%, chi phí QLDN chiếm 4,03% và chi phí tài chính chiếm 1,71% Doanh thu thuần của Công ty. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6T/2010 không có nhiều biến động mạnh.

6.4. Trình độ công nghệ

Với mục tiêu trở thành công ty vận tải đa phương thức hàng đầu khu vực, Portserco đã đầu tư một loạt trang thiết bị hiện đại, đồng bộ với 10 xe Ben, 5 xe thùng, 11 Sơ mi (05 đầu Mỹ), 01 xe cẩu, Romooc 16 cái (trong đó, 40 Feet 12 cái) với tổng giá trị lên tới 16.035.424.269 đồng và một loạt máy móc thiết bị xưởng cơ khí với tổng giá trị 409.279.180 đồng. Chi tiết như sau:

Bảng 8. Danh mục máy móc, trang thiết bị và phương tiện Công tư đang sử dụng

STT	Máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị khấu hao (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Xe Ben	10	5.925.691.788	1.544.944.621	4.380.747.167
2	Xe thùng	05	1.406.058.445	875.097.186	530.961.259
3	Sơ mi	11	4.659.711.001	2.252.987.378	2.406.723.623
4	Xe cẩu	01	872.758.676	560.444.287	312.314.389
5	Xe rơmooc	04	2.676.519.923	1.818.562.628	857.957.295
6	Cont 20”	10	436.398.436	47.276.492	389.121.944
7	Cont 40”	02	58.286.000	26.657.244	31.628.756
8	Máy móc thiết bị	03	409.279.180	319.642.559	89.636.621
	Cộng		**16.444.703.449**	**7.445.612.395**	**8.999.091.054**

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với mục tiêu khai thác và mở rộng dịch vụ Logistics (giao nhận – kho vận), trở thành nhà cung cấp dịch vụ Logistics hàng đầu tại khu vực miền Trung, Công ty đã tiến hành đầu tư mua sắm trang thiết bị, triển khai dự án kho, bãi và kinh doanh logistics tại kho bãi khu Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang. Bên cạnh đó Công ty cũng dự kiến cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng sau khi triển khai và đưa vào khai thác dự án nhà văn phòng của Portserco.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Chính sách chất lượng của Công ty cổ phần Portserco là luôn luôn cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng phục vụ lên hàng đầu.

Để đạt những điều này Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu của khách hàng.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do đó thường xuyên giáo dục, đào tạo để mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng trong công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và có hiệu quả, phát triển sự hợp tác của mọi thành viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn an toàn lao động.
- Công ty đề cao vấn đề chất lượng sản phẩm dịch vụ, coi đó là trọng tâm hàng đầu. Vì thế Công ty đã đề ra các biện pháp cũng như trang bị các thiết bị hiện đại ứng dụng những công nghệ quản lý tiên tiến nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng dịch vụ theo đúng các tiêu chuẩn quy định.

6.7. Hoạt động Marketing

❖ **Chính sách Marketing:**

Tiến hành đồng thời với công tác quản lý chất lượng, Công ty luôn luôn quan tâm tới hoạt động Marketing. Thực hiện tốt chính sách Marketing góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu Portserco trong khu vực miền Trung và từng bước mở rộng thương hiệu ra thị trường khu vực các nước Đông Nam Á, mở rộng liên doanh, liên kết với khách hàng, phân phối sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách tốt nhất và cũng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Portserco.

- *Nội dung chính sách Marketing:*
  - Xây dựng các mục tiêu, tầm nhìn thương hiệu.
  - Xây dựng các tiêu chí chất lượng cung ứng dịch vụ đảm bảo cho uy tín của thương hiệu.
  - Thông báo các nội dung về phát triển thương hiệu đến từng cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
  - Đảm bảo quy trình cung cấp dịch vụ đến từng đối tượng khách hàng, gắn thương hiệu PORTSERCO với uy tín, chất lượng và hiệu quả.
- *Các hoạt động Marketing hiện tại của Portserco được triển khai dưới các hình thức như:*
  - Truyền thông về các hoạt động của doanh nghiệp trên các cơ quan thông tấn báo chí; website của Công ty; đặc biệt là các đơn vị liên quan trong chuyên ngành đang hoạt động và các cơ quan tại địa phương, khu vực miền Trung. Tham gia các cuộc hội thảo, hội nghị để cập nhật thông tin, mở rộng mạng lưới khách hàng, tìm các đối tác.

– Tích cực có các chính sách chăm sóc khách hàng cũ, truyền thống đồng thời tiếp cận, tìm kiếm khách hàng mới.

– Tích cực tham gia các công tác xã hội, hoạt động phong trào để nâng cao mức độ nhận biết của khách hàng về thương hiệu PORTSERCO.

❖ **Chính sách về dịch vụ của Công ty:**

Portserco luôn cải tiến phương pháp làm việc để đảm bảo cung cấp các dịch vụ có chất lượng cao, thỏa mãn nhu cầu của Quý khách hàng lấy phương châm ***"Uy Tín - Đơn Giản - Nhanh Chóng - Hiệu Quả"*** là mục tiêu phục vụ của Portserco.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:

Nhãn hiệu thương mại (Logo), đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền: Đã đăng ký nhãn hiệu gửi Cục Sở hữu trí tuệ - 386 Nguyễn Trãi - Hà Nội về mẫu nhãn hiệu – logo của Công ty ngày 19/12/2008; Số đơn 4-2008-26916.

6.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời hạn
1	Công ty CP Xi măng Hải Vân *HĐ số 108/HĐKT-N2010* *từ ngày 11/01/2010 đến 31/12/2010*	Vận chuyển hàng hóa	7.000	12 tháng
2	Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam *HĐ số 04/HĐKT-N2010* *từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010*	Vận chuyển hàng hóa	12.000	12 tháng
3	Cty TNHH Transcend Việt Nam *HĐ số 32/HĐKT-N2010* *từ ngày 1/1/2010 đến 31/12/2010*	Vận chuyển hàng hóa	4.200	12 tháng
4	Công ty CP Đồng Tâm Miền Trung *HĐ số 48/HĐKT-N2010* *từ ngày 02/01/2010 đến 31/12/2010*	Vận chuyển hàng hóa	2.500	12 tháng
5	Cty CP Công nghiệp Hoá chất Đà Nẵng *HĐ số 11/HĐKT-N2010* *từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010*	Vận chuyển hàng hóa	3.000	12 tháng
6	Công ty TNHH Xuân Hưng *HĐ số 07/HĐKT-N2010* *từ ngày 04/01/2010 đến 31/12/2010*	Vận chuyển hàng hóa	3.000	12 tháng
7	Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng *HĐ số 39/HĐKT-N2010* *từ ngày 3/1/2010 đến 31/12/2010*	Cung cấp dầu nhớt Castrol	3.300	12 tháng

STT	Đối tác	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Thời hạn
8	Công ty CP Xi măng Hải Vân *HĐ số 108/HĐKT-N2010* *từ ngày 11/01/2010 đến 31/12/2010*	Vận chuyển hàng hóa	7.000	12 tháng
Tổng cộng			**35.000**	

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2008 – 6T/2010

Bảng 9. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008, 2009 và 6T/2010

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% (+/-) so với 2008	6T/2010
1	Tổng giá trị tài sản	30.680.439.730	56.287.616.619	83,46	58.266.598.198
2	Vốn chủ sở hữu	13.557.780.764	28.208.457.360	108,06	26.415.595.392
3	Doanh thu thuần	98.503.367.958	113.108.647.307	14,83	37.116.521.797
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	956.034.150	14.874.928.968	1455,9	234.649.227
5	Lợi nhuận khác	268.537.682	4.364.720.969	1525,3	54.005.679
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.224.571.832	19.239.649.937	1471,1	288.654.906
7	Lợi nhuận sau thuế	928.025.288	16.007.771.099	1624,9	216.491.180
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	95,84%	12,52%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco.

Năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 16,007 tỷ đồng, tăng 15,079 tỷ đồng tương ứng tăng 1624,9% so với năm 2008. Nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận năm 2009 của Công ty tăng đột biến so với năm 2008 là do Công ty đã đã tiến hành bán bất động sản đầu tư (khu đất tại số 2 đường Bạch Đằng, thành phố Đà Nẵng). Việc bán lô đất tại số 2 Bạch Đằng đem lại cho Công ty khoản lợi nhuận gộp là 15.326.631.734 đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận gộp của toàn Công ty, đạt 82,87%.

06 tháng đầu năm 2010, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 216,4 triệu đồng, đạt 19,24% so với kế hoạch đề ra của cả năm 2010, trong đó lợi nhuận chủ yếu đem lại từ hoạt động vận tải. Nguyên nhân là do kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên đán kéo dài cộng với việc nền kinh tế còn khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nên đã phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch xuất, nhập khẩu hàng hóa nguyên liệu của chủ hàng trong 06 tháng đầu năm 2010. Ngoài ra, do Công ty phải giải tỏa di dời cây xăng dầu theo chủ trương của thành phố Đà Nẵng và chỉ mới đưa vào khai thác trở lại từ tháng 8/2010 tại Khu hậu cần Cảng địa phương. Bên cạnh đó, Công ty cũng mới đưa vào khai thác dịch vụ cho thuê kho bãi từ tháng 5/2010 tại Khu thủy sản Thọ Quang. Mặt khác, do tính chất bất bình hành của hàng hóa tại thị trường hoạt động chính của Công ty,

nhu cầu vận chuyển hàng hóa của chủ hàng 06 tháng đầu năm thường thấp và chỉ gia tăng dần trong 06 tháng cuối năm. Vì vậy, lợi nhuận của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động vận tải nên đã phần nào ảnh hưởng đến đến kết quả kinh doanh trong 06 tháng đầu năm. Tuy nhiên, khi hoạt động cho thuê kho bãi đi vào khai thác và hoạt động của cây xăng dầu đi vào ổn định cùng với việc nền kinh tế thế giới phục hồi rõ rệt hơn và nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định trong năm 2010 sau khủng hoảng sẽ thúc đẩy việc gia tăng lợi nhuận của Công ty trong 06 tháng cuối năm 2010.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2009.

❖ Thuận lợi

- Công ty có thuận lợi về mối quan hệ với các khách hàng trong và ngoài nước từ Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam là cổ đông lớn của Công ty (chiếm 30% cổ phần).
- Hoạt động vận tải hàng hóa chiếm thị phần lớn tại Cảng Đà Nẵng. Cơ cấu ngành nghề, hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong những năm qua là ngành vận tải hàng hoá đường bộ với doanh số chiếm từ 40 - 45% doanh số của toàn Công ty, lợi nhuận bình quân chiếm 64,3% lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Thị trường khai thác chiếm phần lớn là thị trường hàng hoá xuất, nhập khẩu thông qua Cảng Đà Nẵng. Trong những năm qua Công ty đã triển khai vận tải hàng hoá đường dài theo tuyến Bắc Nam và tuyến đường bộ nối liền Hành lang kinh tế Đông Tây, bước đầu đã khẳng định được uy tín thương hiệu trên thị trường, tạo tiền đề quan trọng trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty theo mô hình logistics.
- Quá trình làm đại lý cho nhiều thương hiệu lớn, ngoài những lợi ích kinh doanh mang lại cho doanh nghiệp, Công ty đã học tập rất nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý bán hàng cho các khách hàng công nghiệp trong hoạt động thương mại. Hoạt động thương mại cũng chiếm tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận tương đối lớn. Thương mại chiếm bình quân gần 23% doanh thu và 7,5% lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Bên cạnh việc kinh doanh nhiên liệu, vật tư, Công ty tiếp tục là nhà cung cấp nhớt công nghiệp Castrol tại Khu vực Miền trung cho Công ty TNHH Castrol – BP Petco.
- Công ty có nhiều kinh nghiệm, mối quan hệ với các chủ tàu, mức độ uy tín về môi giới… trong dịch vụ hàng hải. Hoạt động dịch vụ hàng hải trong những năm qua có sự phát triển tương đối tốt, tập trung môi giới hàng hải và thủ tục xuất nhập khẩu cho chủ hàng. Công ty đã triển khai nhiều hợp đồng trong và ngoài nước hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu các năm. Cùng với việc mở rộng môi giới tàu, công tác logistics bước đầu triển khai và thu được kết quả nhất định. Công ty đã có hợp đồng cung ứng cho khách hàng với nhiệm vụ đảm nhận từ khâu mua sắm, gửi hàng bằng đường biển đến kho chủ hàng (door to door); là cơ sở quan trọng để phát triển hoạt động này trong thời gian tới. Việc cung ứng dịch vụ hàng hải còn được thực hiện trong lĩnh vực dịch vụ Hải quan và khai thác Container, các dịch vụ bờ cho thuỷ thủ, thuyền viên, quản lý bán hàng lưu niệm cho tàu du lịch và cửa hàng miễn thuế.

❖ Khó Khăn

- Nền kinh tế Việt Nam và thế giới có những biến động mạnh từ tăng trưởng nóng chuyển sang tình trạng suy thoái nặng nề trong năm 2008 và nửa đầu năm 2009. Chịu ảnh

hưởng, nhiều doanh nghiệp vận tải, giao nhận thua lỗ hoặc khó khăn từ quý 3/2008 đến quý 2/2009. Portserco cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó.

- Giá cả nhiên liệu và một số yếu tố đầu vào như giá xăng dầu… biến động phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí của công ty khiến công tác dự báo, lên kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.
- Sự thiếu hụt lực lượng lao động lành nghề trong kinh doanh dịch vụ logistics là những trở ngại trong hoạt động dịch vụ của Công ty.
- Việc kinh doanh vật tư, nhiên liệu đang gặp một số khó khăn từ cuối năm 2009 do Công ty phải thực hiện giải toả di dời cây xăng dầu theo chủ trương chung của UBND Thành phố Đà Nẵng. Cùng ảnh hưởng của chủ trương di dời này hoạt động sửa chữa Xà lan, tàu thuyền tại Triền đà của Xưởng Cơ khí Công trình đã phải ngừng hoạt động, điều này cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động sửa chữa cơ khí của Công ty và việc làm của Công nhân.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

- Hoạt động kinh doanh của Portserco trong những năm qua bắt đầu đã có chuyển biến tích cực về sự đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ cung ứng bên cạnh việc tiếp tục khai thác tốt thị trường truyền thống như khu vực Miền trung và các thành phố trong nước, Thương hiệu PORTSERCO đã được thừa nhận rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp Việt nam là một trong những thương hiệu tốt trong việc cung ứng dịch vụ logistics trong khu vực Miền Trung và các nước lân cận như Lào, Thái Lan. Năm 2008, Công ty là 01 trong 05 đơn vị tại Khu vực đạt danh hiệu Sao Vàng đất Việt do Trung ương Hội các doanh nghiệp Trẻ Việt Nam trao tặng.
- Xét về phương diện quy mô, năng lực vận tải thì Portserco được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải lớn trên thị trường Miền Trung. Portserco sở hữu và khai thác trên 100 phương tiện các loại (xe thùng, sơ mi, xe ben); đại lý khai thác đội tàu có tổng trọng tải trên 30.000 DWT. Ngoài ra, Portserco đầu tư xong hệ thống kho, bãi tại Khu dịch vụ Thọ Quang (7.000 m^2) và đã được UBND Thành phố Đà Nẵng giao 20.000 m^2 tại Khu hậu cần Cảng địa phương trong quy hoạch tổng thể về cảng biển của Thành phố Đà Nẵng.
- Xét về tổ chức kinh doanh, với kinh nghiệm hơn 15 năm tổ chức cung ứng dịch vụ logistics, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên quản lý và công nhân trực tiếp có trình độ chuyên môn và tay nghề cao, có trách nhiệm với công việc. Công tác đào tạo và đào tạo lại luôn được Công ty quan tâm đúng mức, đảm bảo đúng người đúng vị trí và có kỹ năng làm việc phù hợp.
- Vốn và tài sản của Công ty được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

- Trong những năm qua, sản lượng hàng hoá Portserco đảm nhận luân chuyển luôn đạt từ 1-1,2 triệu tấn/năm (30-32 triệu tấn-km), là doanh nghiệp có thị phần lớn nhất đối với thị trường hàng hoá thông qua Cảng Đà Nẵng.
- Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu "Portserco" trên thị trường. Các đối tác và khách hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nhóm các nhà sản xuất vật liệu xây dựng (Tập đoàn Prime, Công ty CP Đồng Tâm Miền Trung, Công ty CP Xi măng Hải Vân, Công ty CP Xi măng Cosevco, Công ty CP Xi măng Ngũ Hành Sơn, Công ty CP Thép Đà Nẵng Ý, Công ty CP Thép Thái Bình Dương..); nhóm các nhà khai thác, chế biến và xuất khẩu khoáng sản (Công ty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam, Công ty TNHH Transcend Việt Nam..) và hơn 50 Khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất, nhà xuất nhập khẩu trên địa bàn miền Trung và toàn quốc.
- Ngoài ra, hoạt động của Công ty từng bước mở rộng tại thị trường các nước khu vực, đặc biệt là các quốc gia gắn liền với tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây. Portserco đã có các hợp đồng liên kết tạo thành mạng lưới cung ứng dịch vụ logistics với các Công ty Acutech (Thái Lan), Công ty SMT (Lào) và đã chính thức khai thác tuyến luân chuyển hàng hoá này từ năm 2008. Sự liên kết được thực hiện tương đối bài bản bằng các quy định về trao đổi thông tin về tình hình hàng hoá, chính sách khai thác cũng như sự biến động về chi phí, giá cả.. trên từng quốc gia để mỗi doanh nghiệp đều nắm bắt được một cách khái quát thị trường dịch vụ logistics toàn tuyến. Bước đầu, Portserco đã có hợp đồng cung ứng dịch vụ cho dự án thuỷ điện Ban Nahim trên lãnh thổ nước Cộng hoà DCND Lào.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

- Theo nghiên cứu của Viện Nomura (Nhật Bản), các công ty hoạt động trong lĩnh vực vận tải đa phương thức của Việt Nam mới chỉ đáp ứng được 1/4 nhu cầu thị trường vận tải đa phương thức. Hiện đang có 2 mức độ chênh lệch phát triển trong kinh doanh giao nhận đó là giữa các nhà giao nhận nước ngoài (liên doanh) và các nhà giao nhận trong nước, giữa khu vực phía Nam và các khu vực còn lại. Trong khi đó, Việt Nam có rất nhiều lợi thế để phát triển ngành công nghiệp vận tải đa phương thức, góp phần làm tăng GDP cho đất nước.
- Cơ hội để phát triển vận tải đa phương thức của Việt Nam khi gia nhập WTO biểu hiện qua 5 nội dung sau:
  - Thứ nhất, chính sách hội nhập: Tiếp tục thành tựu phát triển kinh tế với tỷ lệ tăng trưởng được giữ ở mức cao từ khi mở cửa, Việt Nam đang đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế thông qua những cải cách về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, xây dựng hệ thống pháp luật kinh tế và tài chính phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc trở thành thành viên chính thức của WTO sẽ đưa Việt Nam thành một quốc gia mở cửa về thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư. Chắc chắn rằng, làn sóng đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài sẽ gia tăng đáng kể là cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics tại Việt Nam mở rộng quy mô và vị thế, trong đó có PORTSERCO. Hơn nữa, xu hướng của thị trường đang bắt đầu sử dụng hỗ trợ kinh doanh từ bên ngoài (Bussines Process Outsourcing - BPO) một cách triệt để. Các tập đoàn hàng tiêu dùng, nước giải khát, vật liệu xây dựng lớn của nước ngoài

đang có mặt tại Việt Nam đã áp dụng mô hình chọn nhà cung cấp dịch vụ logistics cho chuỗi hoạt động của họ.

– Thứ hai, lợi thế về khu vực: Việt Nam có vị trí địa lý rất thuận lợi cho vận tải quốc tế, nằm ở khu vực chiến lược trong vùng Đông Nam Á. Bờ biển trải dài trên 2.000 km, có nhiều cảng nước sâu, các sân bay quốc tế, hệ thống đường sắt xuyên quốc gia và mạng lưới giao thông là tiền đề khả quan để phát triển ngành kinh doanh vận tải đa phương thức.

– Thứ ba, vốn đầu tư nước ngoài: cụ thể là nguồn vốn ODA nhằm phát triển cơ sở hạ tầng và các nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ cho Việt Nam ngày càng tăng.

– Thứ tư, lĩnh vực kinh doanh vận tải đa phương thức đang được quan tâm phát triển, đã bắt đầu thu hút sự chú ý của các cấp quản lý Nhà nước cũng như của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

– Cuối cùng, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin: biểu hiện rõ nhất là từ tháng 7 - 2005 chúng ta đã bắt đầu thực hiện thông quan điện tử thí điểm ở một số địa phương, sau đó áp dụng trên toàn quốc. Đây chính là một trong những điều kiện tiên quyết để ngành công nghiệp logistics VN phát triển, đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.**

- Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển, nhu cầu xuất nhập khẩu đang gia tăng nhanh khi Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên bình đẳng của nền kinh tế thế giới. Dự báo từ năm 2010, nền kinh tế bắt đầu thoát khỏi khủng hoảng và giữ vững nhịp độ tăng trưởng khá và ổn định. Với lợi thế sẵn có cùng triển vọng phát triển ngành vận tải đa phương thức của Việt Nam trong tương lai, ngành vận tải đa phương thức sẽ giữ một vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo là cao và đầy triển vọng của Việt Nam.

- Thành phố Đà Nẵng là trung tâm, đầu tàu kinh tế tại khu vực Miền Trung có đầy đủ điều kiện thuận lợi về chính sách, vị trí địa lý, khả năng định hướng chiến lược của đội ngũ lãnh đạo địa phương chắc chắn sẽ còn thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài, là cơ sở để khẳng định sự gia tăng về thị trường cung cấp dịch vụ logistics trong tương lai không xa. Cùng với sự hình thành và phát triển hành lang kinh tế Đông Tây EWEC, các doanh nghiệp trong khu vực, nhất là các doanh nghiệp Lào có nhiều sự lựa chọn hơn trong việc xuất nhập khẩu hàng hoá hoặc sang các Cảng Việt Nam, hoặc sang các Cảng Thái Lan. Việc cạnh tranh bằng giá trong phương án đưa hàng xuất khẩu từ Lào sang các Cảng Việt Nam (chủ yếu là Đà Nẵng) là khả quan, vấn đề còn vướng mắc là giải quyết các thủ tục xuất nhập khẩu chắc chắn sẽ được tháo gỡ trong tương lai gần để thực hiện theo Hiệp định khung về vận chuyển hàng hoá giữa các nước trong khu vực ASEAN.

- Nhận thức được vai trò quan trọng của ngành vận tải đa phương thức trong tương lai, trước tiềm năng phát triển của Đà Nẵng và năng lực của Công ty, nhu cầu của khách hàng, cũng như tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực, việc tăng vốn, mở rộng kho bãi, tăng năng lực vận tải là việc làm cấp thiết, tăng sức cạnh

tranh cho Portserco. Chính vì vậy, việc đầu tư xây dựng 02 dự án kho bãi và mua sắm các phương tiện vận tải nhằm phát huy tốt hơn tiềm năng và lợi thế của Portserco, tiến tới mục tiêu từng bước trở thành nhà cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức hàng đầu khu vực. Định hướng chiến lược của Công ty trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics hàng đầu tại khu vực được nêu ra trên cơ sở điều kiện, kinh nghiệm hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan của chuỗi cung ứng logistics và đánh giá nhu cầu của khách hàng, thị trường; được đảm bảo bởi hành lang pháp lý của Việt Nam và các quốc gia trong khu vực. Đây có thể nói là hướng đi đúng đắn và rất phù hợp với xu hướng phát triển của ngành kinh doanh vận tải đa phương thức của Việt Nam và trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên Portserco luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 20/08/2010, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là **120 người**

Bảng 10. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 20/08/2010

Đơn vị: Người

Yếu tố	20/08/2010
Số lượng nhân viên	**120**
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	**3.020.000**
Phân theo trình độ chuyên môn	
Đại học và Trên đại học	30
Cao đẳng	01
Trung cấp	17
Công nhân kỹ thuật	56
Lao động khác	16
Phân theo thời hạn hợp đồng	
Hợp đồng không xác định thời hạn	102
Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	09
Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	09

Nguồn : Công ty cổ phần Portserco.

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- **Chính sách đào tạo**

Portserco luôn khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho CBCNV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề. Bên cạnh đó, Portserco còn thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn, huấn luyện để thi nâng bậc thợ diễn ra hàng năm. Đồng thời, tổ chức các buổi hội thảo trao đổi kinh nghiệm làm việc cũng như phổ biến, cập nhật các thông tin, chế độ, chính sách mới cho CBCNV trong Công ty.

- **Chính sách lương**

  Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Công ty trả lương theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

- **Chính sách thưởng**

  Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

- **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

  Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Bộ Luật lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, quan tâm đến CBCNV trong các ngày nghỉ lễ, tết ...

10. Chính sách cổ tức

Bảng 11. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2008 và năm 2009

Năm	2008	2009
Cổ tức (%)	10	17

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích lập các quỹ:

  Các quỹ khác như Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi, Quỹ Đầu tư phát triển: mức trích do ĐHĐCĐ quyết định hoặc ủy quyền cho HĐQT quyết định
- HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

- Mức chi trả cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên.
- HĐQT sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi đến cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.
- Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng lại cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập Danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
- Tùy tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn 6 tháng hoặc 01 năm.
- Cổ tức của năm 2008 Công ty chi trả bằng tiền mặt với mức 10% cho cổ đông sở hữu cổ phần đủ 12 tháng và 5% cho cổ đông sở hữu cổ phần 06 tháng. Cụ thể như sau
  - Số tiền Công ty dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phần đủ 12 tháng với tỷ lệ 10% là: 600.000 x 1.000 = 600.000.000 đồng.
  - Số tiền Công ty dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phần đủ 06 tháng với tỷ lệ 5% là: 578.890 x 500 = 289.445.000 đồng.
- Cổ tức năm 2009 Công ty đã tiến hành chi trả bằng tiền mặt cho cổ đông từ ngày 24/03/2010.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản năm 2009

❖ **Trích khấu hao TSCĐ:**

Khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng; tỷ lệ khấu hao và thời gian khấu hao phù hợp theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06

❖ **Mức lương bình quân: 3,020,000 VND/người/tháng**

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Hiện nay, Công ty đang được các Ngân hàng đánh giá rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay. Vào thời điểm 31/12/2009, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào đối với Ngân hàng. Công ty thanh toán công nợ đúng thời gian quy định theo thỏa thuận với các nhà cung cấp.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty đã kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ các khoản phải nộp Ngân sách theo luật định.

Bảng 12. Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

Loại thuế	Số dư đến ngày 31/12/2008	Số dư đến ngày 31/12/2009	Số dư đến ngày 30/06/2010
Thuế GTGT	-	-	80.560.008
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.025.410	2.759.459 .108	2.285.406.290
Thuế thu nhập cá nhân	4.837.146	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	120.928.200	-	-
Các loại thuế khác	-	27.413.121	2.189.697
Tổng cộng	**138.790.756**	**2.786.872.229**	**2.908.155.995**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco.

– Số thuế TNDN năm 2009 Công ty phải nộp tăng đột biến so với năm 2008 là do nộp thuế thu nhập từ việc chuyển nhượng lô đất tại số 2 Bạch Đằng.

❖ **Trích lập các Quỹ theo luật định:**

Công ty đã trích lập các Quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ trích lập các Quỹ của Công ty qua các năm 2008 và năm 2009 như sau:

Bảng 13. Tỷ lệ trích lập các Quỹ năm 2008 -2009

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008 (*) (% LNST)	Năm 2009 (% LNST)
1	Quỹ Đầu tư phát triển	-	73,71%
2	Quỹ Dự phòng tài chính	-	2%
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	10%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 và năm 2010 Công ty cổ phần Portserco

(*): Năm 2008, Công ty chưa thực hiện trích lập quỹ theo quy định tại Điều lệ công ty. Theo đó, Công ty cam kết sẽ trích bù các quỹ theo quy định tại Điều lệ vào năm tài chính 2010.

Tính đến ngày 30/06/2010 số dư các Quỹ của Công ty như sau:

Bảng 14. Số dư các quỹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
1	Quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	11.800.000.000	11.796.760.000
2	Quỹ Dự phòng tài chính	90.794.307	341.222.751	339.222.751
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	874.268.734	278.142.817
4	Vốn khác của chủ sở hữu (**)	1.633.524.798	1.633.524.798	1.633.524.798
	Tổng cộng	**1.724.319.105**	**14.649.016.283**	**14.047.650.366**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco

(*): Năm 2009, theo chủ trương giải tỏa đền bù của thành phố và mở rộng sản xuất. Công ty đã chuyển nhượng khu đất tại số 2 Bạch Đằng (lô đất này Công ty mua lại quyền sử dụng đất thuộc sở hữu Nhà nước từ Công ty quản lý nhà Đà Nẵng sau khi cổ phần hóa) cho bà Nguyễn Thị Phi Nga với số tiền là 34.427.625.700 đồng để mua lại quyền sử dụng 7.320m^2 đất tại khu Dịch vụ thủy sản Thọ Quang (làm nhà xưởng) và lô đất 75 Nguyễn Tất Thành (xây dựng trụ sở làm việc). Tuy Công ty không có chức năng mua bán bất động sản nhưng khi thu tiền có phát hành hóa đơn nên khoản thu trên được hạch toán vào TK511 "Doanh thu bán hàng". Do vậy, lợi nhuận thu được chủ yếu từ việc bán lô đất tại số 02 Bạch Đằng. Công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển 11,8 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 27b/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/03/2010 nhằm mục đích phát triển kinh doanh trong thời gian tới.

(**): Nguồn hình thành Vốn khác của chủ sở hữu bao gồm:

– Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối của các năm 2003 – 2006 đã được ĐHĐCĐ thông qua: 375.355.581 đồng.

– Một phần hình thành từ việc kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển từ năm 2003 – 2006: 1.165.048.670 đồng (đây là toàn bộ số tiền thuế TNDN được miễn giảm theo diện cổ phần hóa từ năm 2003 – 2006) và tiền đền bù giải tỏa: 93.120.547 đồng. Việc kết chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Vốn khác của chủ sở hữu được thực hiện theo Quyết định số 1141CT/QĐ-CĐKT ngày 01/11/1995 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp. Ngày 20/03/2006 Bộ tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC thay thế cho Quyết định số 1141CT/QĐ-CĐKT, tuy nhiên Công ty vẫn chưa thực hiên áp dụng quyết định này. Do vậy, Công ty cam kết sẽ hạch toán lại phần thuế TNDN được miễn giảm của các năm 2003 – 2006 về Quỹ đầu tư phát triển để phù hợp với mục đích sử dụng của Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.

❖ **Tổng dư nợ vay**

- Đến thời điểm 30/06/2010 tổng dư nợ vay phải trả là: **19.121.244.833** đồng, trong đó:

Nợ ngắn hạn: 8.690.607.895 đồng

Nợ dài hạn: 10.430.636.938 đồng

Bảng 15. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn đến 30/06/2010

Đơn vị: đồng

STT	Ngân hàng/tổ chức/cá nhân cho vay	Mục đích vay	Dư nợ đến 31/12/2009	Dư nợ đến 30/06/2010
I	**Vay và nợ ngắn hạn**		**6.898.102.795**	**8.690.607.895**
1	*Ngân Hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Đà Nẵng*	SXKD	4.989.440.043	4.900.607.895
2	*Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam – CN Đà Nẵng*	SXKD	1.184.658.752	-
3	*Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN tại TP Đà Nẵng*	SXKD	724.004.000	3.790.000.000
II	**Vay và nợ dài hạn**		**8.680.701.272**	**10.430.636.938**
1	*Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN tại TP Đà Nẵng*	SXKD	654.994.000	1.016.996.000
2	*Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam – CN Đà Nẵng*	SXKD	8.025.707.272	9.413.640.938

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco

Vào thời điểm 30/06/2010, Công ty không có bất kỳ một khoản nợ quá hạn nào đối với ngân hàng.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 16. Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Phải thu của khách hàng (*)	5.339.944.089	11.302.417.784	12.285.602.682
Trả trước cho người bán	2.645.924	419.979.156	1.293.021.923
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	769.742.507
Các khoản phải thu khác	295.394.389	486.299.569	130.585.592
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.500.000)	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco.

(*) Chi tiết khoản "Phải thu của khách hàng" đến thời điểm 30/06/2010

Đơn vị: đồng

STT	Tên đối tượng	30/06/2010
1	Cty CP Xuân Hưng	541.402.940
2	Cty CP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam	1.848.708.774
3	Xí nghiệp Than Đà Nẵng	386.711.727
4	Cty CP Xi măng Hải Vân	521.475.272
5	CTy TNHH MTV TM & XNK Prime	1.144.904.376

6	Cty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht)	308.400.000
7	Cty CP Thương mại và Vận tải Thái Hà	163.567.248
8	Cty TNHH MTV Vĩnh Cường	197.312.400
9	Cty TNHH Khoáng sản Transcend Việt Nam	983.218.152
10	Cty TNHH Thái Gia Bảo	215.231.170
11	Cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tiến An	325.209.050
12	Cty CP Thép Thái Bình Dương	604.238.990
13	Cty TNHH MTV Đồng Tâm	308.646.511
14	Cty CP Tập đoàn IDT	186.725.000
15	Cty TNHH Cơ khí đúc Thắng Lợi	1.384.784.411
16	Khách hàng khác	3.165.066.661
	TỔNG CỘNG	**12.285.602.682**

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

Bảng 17. Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
I	**Ngắn hạn**	**11.400.437.678**	**17.964.929.579**	**20.731.506.194**
	Vay và nợ ngắn hạn	4.413.018.423	6.898.102.795	8.690.607.895
	Phải trả cho người bán	3.767.836.819	7.227.377.075	7.396.304.685
	Người mua trả tiền trước	9.314.025	-	719.905.009
	Thuế và các nghĩa vụ phải nộp nhà nước	138.790.756	2.786.872.377	2.908.155.995
	Phải trả công nhân viên	1.098.583.458	599.039.911	219.235.061
	Chi phí phải trả	-	211.774.362	211.774.362
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.972.894.197	241.763.207	307.380.370
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	278.142.817
II	**Dài hạn**	**5.781.640.760**	**9.239.960.946**	**11.119.496.612**
	Phải trả dài hạn khác	113.000.000	96.394.870	225.994.870
	Vay và nợ dài hạn	5.668.640.760	8.680.701.272	10.430.636.938
	Thuế thu nhập hoãn lại phải	-	462.864.804	462.864.804

	trả (*)			

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009 và Báo cáo tài chính 6T/2010 của Công ty cổ phần Portserco.

(*): Đây là khoản thuế TNDN Công ty phải nộp do phát sinh chênh lệch tăng từ việc đánh giá lại tài sản cố định (tăng 2,115 tỷ so với giá trị ghi sổ của tài sản cố định đem đi đánh giá) đem góp vốn vào công ty liên kết (Công ty cổ phần PST Đà Nẵng). Phần thuế TNDN phát sinh từ nghiệp vụ này được phân bổ theo thời gian khấu hao của TSCĐ đã góp vốn liên doanh (8 năm). Vì vậy, phần thuế TNDN này được thể hiện tại khoản mục "Thuế TNDN hoãn lại".

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,93	0,99
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Lần	0,74	0,89
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,48
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,27	0,94
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	55,67	50,22
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,21	2,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,94	14,15
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	8,42	62,44
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	3,75	30,69
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,97	13,15

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và năm 2009 của Công ty cổ phần Portserco.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách

Bảng 19. Danh sách Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Xuân Dũng	18/05/1956	200187035
Phó chủ tịch HĐQT	Nguyễn Lê Minh	02/10/1960	201048057

Uỷ viên	Trần Viết Hòe	30/01/1957	201273014
Uỷ viên	Dương Thị Huê	05/07/1958	200125569
Ủy viên	Lê Văn Xuân	10/06/1957	200186318

Bảng 20. Danh sách Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Tôn Thị Kim Tuyến	10/10/1960	200749766
Ủy viên	Âu Thị Mai Hoa	03/01/1963	200068344
Ủy viên	Lê Nam Hùng	17/01/1978	201374872

Bảng 21. Danh sách Ban Giám đốc

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Giám Đốc	Nguyễn Lê Minh	02/10/1960	201048057
Phó GĐ	Trần Viết Hòe	30/01/1957	201273014

Bảng 22. Kế toán trưởng

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Kế toán trưởng	Dương Thị Huê	05/07/1958	200125569

12.2.Sơ yếu lý lịch

Lý lịch thành viên Hội đồng quản tri

a/ Ông : Nguyễn Xuân Dũng

- Chức vụ tại Công ty : Chủ tịch HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/05/1956
- Nơi sinh : Điện Bàn, Quảng Nam
- Chứng minh thư nhân dân : 200187035
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Điện Bàn, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 47/14 Nguyễn Du, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 05113.822517
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí – Cử nhân Ngoại ngữ

- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng /năm	Quá trình công tác
3/1971-02/1975	Hoạt động đơn tuyến bí mật trong phong trào sinh viên học sinh tại Đà Nẵng do đặc khu đoàn Quảng Đà trực tiếp chỉ đạo.
3/1975-11/1976	Công tác tại Hội liên hiệp Thanh niên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.
12/1976-11/1981	Học Đại học tại Trường Bách Khoa Đà Nẵng.
12/1981-10/1984	Kỹ sư Xưởng Cơ khí Cảng Đà Nẵng
11/1984-12/1989	Phó Giám đốc Xưởng sửa chữa Cơ khí Cảng Đà Nẵng
01/1990-12/1992	Phó Giám đốc Kỹ thuật Xí nghiệp xếp dỡ Cảng Đà Nẵng
01/1993-11/1994	Trưởng Trung tâm khai thác Cảng Đà Nẵng
12/1994-6/2001	Phó Giám đốc Cảng Đà Nẵng
7/2001- nay	Phó Tổng Giám đốc Cảng Đà Nẵng
01/2003-10/2008	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà nẵng
11/2008 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Portserco

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Cảng Đà Nẵng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Portserco.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: **305.000** cổ phần trong đó, số cổ phần sở hữu cá nhân là **5.000** cổ phần ; số cổ phần đại diện phần vốn góp Nhà nước là : **300.000** cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b/ Ông : Nguyễn Lê Minh

- Chức vụ tại Công ty : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/10/1960
- Nơi sinh : Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân : 201048057
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 32 Cao Thắng, Tp Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 05113.894717

- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo – Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
9/1983 – 9/1985	Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Lữ 239-BTL Công binh – Chức vụ Chiến sỹ.
9/1985-10/1988	Kỹ sư – Kỹ thuật Xưởng Cơ khí: Xí nghiệp xếp dỡ Tiên Sa – Cảng Đà Nẵng.
10/1988-10/1989	Đội phó Cơ giới: Phụ trách Xưởng cơ khí Tiên Sa – Cảng Đà Nẵng.
10/1989-12/1993	Phụ trách Xưởng Cơ khí Tiên Sa.
01/1994-8/1996	Phó Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
8/1996-12/2002	Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
01/2003-10/2008	Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
11/2008- nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Portserco.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty Cổ phần Portserco
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: **30.000** cổ phần, trong đó cổ phần sở hữu cá nhân là **30.000** cổ phần, sổ cổ phần đại diện sở hữu là **0** cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Ông : Trần Viết Hòe

- Chức vụ tại Công ty : Uỷ viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/01/1957
- Nơi sinh : Hòa Phước, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Chứng minh thư nhân dân : 201273014
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hòa Phước, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : K36/6 Lê Duẩn, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 05113.886577
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế Công nghiệp - Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
12/1978-01/1981	Giáo viên Trường Lâm nghiệp TW3 – Nghĩa Bình.
01/1981-4/1983	Cán bộ Phòng Lâm nghiệp Huyện Hoà Vang.
5/1983-4/1989	Phụ trách Phòng Kế hoạch Xí nghiệp Lâm nghiệp Hoà Vang.
5/1989-12/1989	Cán bộ Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
01/1990-3/1993	Cán bộ Xí nghiệp Dịch vụ, Ban kinh doanh ngoài cơ bản Cảng Đà Nẵng.
4/1993-5/1995	Cán bộ Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
6/1995-7/1996	Chuyên viên đối ngoại Cảng Đà Nẵng.
8/1996-12/2002	Phó Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
01/2003-10/2008	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
11/2008 - nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Portserco.

- Chức vụ công tác hiện nay: Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Portserco
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: **10.240** cổ phần, trong đó cổ phần sở hữu cá nhân là **10.240** cổ phần, sổ cổ phần đại diện sở hữu là **0** cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

d/ Bà : Dương Thị Huê

- Chức vụ tại Công ty : Uỷ viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 05/07/1958
- Nơi sinh : Hòa Thuận, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Chứng minh thư nhân dân : 200325569
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hòa Thuận, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : 02 Đống Đa, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 05113.886305
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
4/1979-12/1989	Nhân viên phục vụ đánh máy Phòng Hành Chính Cảng Đà Nẵng
01/1990-7/1992	Nhân viên đánh máy Phòng Hành Chính Quản Trị Cảng Đà Nẵng
8/1992-11/1998	Chuyên viên Kế toán Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
12/1998-12/2002	Trưởng Ban Kế toán Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
01/2003-10/2008	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
11/2008 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Portserco.

- Chức vụ công tác hiện nay: Uỷ viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Portserco
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: **2.000** cổ phần, trong đó cổ phần sở hữu cá nhân là **2.000** cổ phần, sổ cổ phần đại diện sở hữu là **0** cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

e/ Ông : Lê Văn Xuân

- Chức vụ tại Công ty : Uỷ viên HĐQT
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/06/1957
- Nơi sinh : Bình Dương – Bình Sơn – Quảng Ngãi.
- Chứng minh thư nhân dân : 200186318
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương – Bình Sơn – Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 11/18 Đống Đa, Q. Hải Châu, Tp Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc : 05113.821898
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
- Quá trình công tác:

Từ tháng năm đến tháng năm	Quá trình công tác

9/1977-02/1982	Cán bộ Kỹ thuật Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng.
3/1982-12/189	Chuyên viên kế hoạch vật tư – Cảng Đà Nẵng.
01/1990-9/1996	Cán bộ cung ứng vật tư Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
10/1997-12/2002	Cán bộ Kỹ thuật Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
01/2003-3/2003	Cán bộ Kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
4/2003-10/2008	Xưởng trưởng – Xưởng cơ khí Công trình: Công ty Cổ phần dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
11/2008-Nay	Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải PST- Đà Nẵng.

- Số cổ phần sở hữu và đại diện : **3.020** cổ phần, trong đó cổ phần sở hữu cá nhân là **3.020** cổ phần, sổ cổ phần đại diện sở hữu là **0** cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Lý lich Ban Kiểm soát

a/ Bà : Tôn Thị Kim Tuyến

- Chức vụ tại Công ty : Trưởng ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 10/10/1960
- Nơi sinh : Điện Bàn, Quảng Nam.
- Chứng minh thư nhân dân : 200749766
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Điện Bàn, Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 02 Đống Đa, Tp Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc : 05113.822517
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
5/1979-11/1996	Nhân viên Kế toán Phòng TCKT Cảng Đà Nẵng
12/1996-3/2001	Chuyên viên Kế toán Phòng TCKT Cảng Đà Nẵng

4/2001- nay	Phó Phòng TCKT Cảng Đà Nẵng
01/2003-10/2008	Trưởng BKS Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà nẵng
11/2008 - nay	Trưởng BKS Công ty Cổ phần Portserco

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Portserco, Phó Phòng TCKT Cảng Đà Nẵng
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: **64.000** cổ phần, trong đó số lượng cổ phần sở hữu cá nhân là **4.000** cổ phần, sổ cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước là **60.000** cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

b/ Bà : Âu Thị Mai Hoa

- Chức vụ tại Công ty : Uỷ viên ban kiểm soát
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 03/02/1963
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Chứng minh thư nhân dân : 200068344
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghĩa Phương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : K21/2 Mai Lão Bạng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà nẵng
- Số điện thoại liên lạc : 05113.886305
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán – Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	Quá trình công tác
4/1979-12/1980	Binh nhất Trường Hạ sỹ quan Quân khu V
01/1981-12/1982	Thủ kho đội sản xuất phụ Cảng Đà Nẵng
01/1983-4/1984	Kế toán khu Tiên Sa Cảng Đà Nẵng
4/1984-11/1996	Kế toán Xí nghiệp Cơ khí Cảng Đà Nẵng
12/1996-5/2002	Chuyên viên Kế toán Xí nghiệp Cơ khí Đà Nẵng

6/2002-12/2002	Chuyên viên Kế toán Xí nghiệp dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
01/2003-10/2008	Chuyên viên Kế toán Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
11/2008 - nay	Chuyên viên Lao động Tiền lương Công ty Cổ phần Portserco.

- Chức vụ công tác hiện nay: Uỷ viên Ban kiểm soát, chuyên viên Lao động Tiền lương Công ty Cổ phần Portserco.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: **5.000** cổ phần trong đó số lượng cổ phần sở hữu cá nhân là **5.000** cổ phần, số cổ phần đại diện sở hữu là **0** cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

c/ Ông : Lê Nam Hùng

- Chức vụ tại Công ty : Uỷ viên ban kiểm soát
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 17/01/1978
- Nơi sinh : Hòa Phước, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Chứng minh thư nhân dân : 201374872
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hòa Phước, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú : 80 Châu T Văn, Tp Đà Nẵng
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ tháng/ năm đến tháng/ năm	**Quá trình công tác**
5/2000-7/2001	Nhân viên tổ chức lao động – Tổng Công ty Xây dựng Miền trung.
8/2001-12/2002	Chuyên viên Xí nghiệp Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng
01/2003-11/2005	Phó Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
12/2005-10/2008	Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Cảng Đà Nẵng.
11/2008 - Nay	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Portserco

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Portserco, Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Portserco.
- Số cổ phần sở hữu và đại diện: **6.000** cổ phần, trong đó số lượng cổ phần sở hữu cá nhân là **6.000** cổ phần, số lượng cổ phần đại diện sở hữu là **0** cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

13. Tài sản

Bảng 23. Danh mục tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại
I	**TSCĐ hữu hình**	**18.225.355.004**	**7.748.521.971**	**10.476.833.033**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	606.057.758	225.181.909	380.875.849
2	Máy móc thiết bị	557.973.453	368.552.025	189.421.428
3	Phương tiện vận tải	16.926.052.996	7.080.797.978	9.845.255.018
4	Dụng cụ quản lý	135.270.797	73.990.059	61.280.738
II	**TSCĐ vô hình**	**14.256.128.790**		**14.256.128.790**
1	Đất 7.320m^2 Thọ Quang (*)	7,512,492,083		7,512,492,083
2	Đất 75 Nguyễn Tất Thành 218,8m^2	6,325,502,272		6,325,502,272
3	Đất số 1 Yết Kiêu 137,1m^2 (*)	418,134,435		418,134,435
	Tổng cộng	**32,481,483,794**	**7,748,521,971**	**24,732,961,823**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của Công ty cổ phần Portserco

Bảng 24. Danh mục tài sản của Công ty tại thời điểm 30/06/2010

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn luỹ kế	Giá trị còn lại
I	**TSCĐ hữu hình**	**27.781.073.478**	**8.669.258.921**	**19.111.814.557**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10.149.230.777	367.229.551	9.782.001.226
2	Máy móc thiết bị	557.973.453	425.793.532	132.179.921
3	Phương tiện vận tải	16.926.052.996	7.779.090.897	9.146.962.099
4	Dụng cụ quản lý	147.816.252	97.144.941	50.671.311
II	**TSCĐ vô hình**	**14.256.128.790**		**14.256.128.790**
1	Đất 7.320m^2 Thọ Quang (*)	7,512,492,083		7,512,492,083
2	Đất 75 Nguyễn Tất Thành 218,8m^2	6,325,502,272		6,325,502,272
3	Đất số 1 Yết Kiêu 137,1m^2 (*)	418,134,435		418,134,435
	Tổng cộng	**42.037.202.268**	**8.669.258.921**	**33.367.943.347**

Nguồn: Báo cáo tài chính 6T/ 2010 của Công ty cổ phần Portserco

(*): Tại ngày 30/06/2010, các lô đất này đang được dùng để thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay. Cụ thể như sau:

- Lô đất 7.320m^2 Thọ Quang được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay dùng để đầu tư, xây dựng kho bãi, văn phòng tại Thọ Quang.
- Lô đất 137,1m^2 tại số 1 Yết Kiêu được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay dùng để mua quyền sử dụng đất của lô đất tại số 1 Yết Kiêu.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

14.1. Một số chỉ tiêu dự kiến và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 25. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty từ 2010 - 2012

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011		Năm 2012	
		Kế hoạch	Kế hoạch	% tăng giảm so 2010	Kế hoạch	% tăng giảm so 2011
1	Vốn chủ sở hữu	26.386	26.600	0,81 %	27.000	1,5 %
1	Doanh thu thuần	85.600	100.000	11,11 %	110.000	10,00 %
2	Lợi nhuận trước thuế	1.500	1.800	20 %	2.200	22,22 %
3	Lợi nhuận sau thuế	1.125	1.350	20 %	1.650	22,22 %
4	Tỷ lệ LNST/ Doanh thu thuần	1,25 %	1,35 %		1,50 %	
6	Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	4,26 %	5,07 %		6,11 %	
7	Cổ tức	8 %	10 %		10 %	

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

14.2. Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 - 2012

14.2.1. Phân tích SWOT

Điểm mạnh	Điểm yếu
- Là doanh nghiệp hoạt động lâu năm, thương hiệu Portserco đã tạo lập được một hệ thống khách hàng truyền thống, xây dựng được chỗ đứng trên thị trường khu vực Miền Trung và từng bước mở rộng ra thị trường khu vực các nước Đông Nam Á. - Ban lãnh đạo công ty là những người có năng lực, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, do vậy luôn đưa ra những phương án, quyết sách hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh	- Portserco xuất phát điểm là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo hình thức phụ thuộc nên tư duy kinh doanh theo cơ chế thị trường của bộ phận doanh nghiệp còn rất hạn chế làm ảnh hưởng đến việc điều hành của lãnh đạo, thêm vào đó nguồn nhân lực còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty. - Hiện nay, Portserco đang trong giai

Điểm mạnh	Điểm yếu
doanh. - Hiện nay, Portserco đã đầu tư thêm 20.460m^2 đất tại Khu dịch vụ hậu cần Cảng Đà Nẵng cùng với hệ thống máy móc kỹ thuật hiện đại, và phương tiện phục vụ sản xuất đầy đủ, đồng bộ đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. - Portserco có kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistics ở cấp độ thấp là tiền đề cho sự hoàn thiện Logistics tổng thể, phục vụ cho nhiều nhóm khách hàng với nhiều chủng loại hàng hóa khác nhau. - Chính sách giá cả của Công ty đưa ra so với các doanh nghiệp trong ngành khá hợp lý, linh hoạt và cạnh tranh. - Công ty đã xây dựng được mối quan hệ tốt với Ngân hàng và cổ đông vì vậy đảm bảo khả năng được tài trợ vốn từ phía Ngân hàng và Cổ đông.	đoạn đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động và đầu tư nên chưa thể phát huy hết tiềm năng, năng lực của Công ty. - Nguồn vốn kinh doanh còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của Portserco.
Cơ hội	**Thách thức**
- Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển, nhu cầu xuất nhập khẩu gia tăng nhanh, nhất là khi Việt Nam gia nhập WTO, sự hình thành và phát triển hành lang kinh tế Đông Tây; đây sẽ là cơ hội tốt cho Portserco phát triển dịch vụ vận tải đa phương thức, dịch vụ hàng hải,… - Sự ổn định về kinh tế, chính trị, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài đã tạo động lực phát triển cho doanh nghiệp trong nước, trong đó có Portserco. - Các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. - Việc liên doanh liên kết với các đối tác chiến lược mở ra cho công ty những cơ hội mới để quảng bá sản phẩm, nâng cao thị phần trong và ngoài nước. - Hiện nay, xu hướng sử dụng dịch vụ theo hướng trọn gói (từ cung cấp nguyên vật liệu đến dịch vụ phân phối hàng hoá) của các tập đoàn lớn trong nước và các Công ty đa quốc gia đã bắt đầu gia tăng nên tạo ra cơ hội lớn cho Portserco mở rộng dịch vụ vận tải đa phương thực của mình.	- Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư vào các dự án kho bãi đòi hỏi nhu cầu vốn lớn. Sẽ là một rủi ro nếu thị trường vốn khan hiếm nguồn vốn cung cấp. - Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, cạnh tranh không chỉ gay gắt giữa các công ty logistics nội địa mà còn với các công ty nước ngoài. - Thói quen của chủ hàng Việt Nam (mua CIF, bán FOB và tự thực hiện dịch vụ) nên chưa tạo ra nhu cầu dịch vụ nhiều. - Chiến lược phát triển Thành phố Đà Nẵng theo hướng du lịch vì vậy nguồn vốn của Tỉnh, thành phố đầu tư chủ yếu cho du lịch và các dịch vụ hỗ trợ.

14.2.2. Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Công ty xây dựng kế hoạch với một dự đoán về việc doanh thu lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm dựa trên năng lực, thế mạnh và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh cùng với những nhận định về khả năng tăng trưởng của thị trường trong các năm tiếp theo, cụ thể:

- Dựa trên tổng giá trị các Hợp đồng lớn đã ký kết tính đến hết thời điểm 31/07/2010 (tham khảo Mục 6.9) là **35** tỷ đồng và các hợp đồng nhỏ khác, Portserco tin tưởng có thể hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Cụ thể, Công ty đã lập kế hoạch Danh thu cho từng hoạt động kinh doanh chính trong năm 2010 như sau:

STT	Hoạt động kinh doanh	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
1	Kinh doanh vận tải	50.000.000.000	1.000.000.000
2	Kinh Doanh nhiên vật liệu, Castrol, ăn uống (*)	22.000.000.000	300.000.000
3	Dịch vụ Hảng hải	12.600.000.000	200.000.000
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí (*)	1.000.000.000	
	Tổng cộng	**85.600.000.000**	**1.500.000.000**

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

(*): Trong năm 2010, Công ty đã đưa vào khai thác hai hạng mục thuộc Giai đoạn I của Dự án kho bãi Tổng hợp tại Khu hậu cần Cảng địa phương là Xưởng sửa chữa cơ khí (đưa vào khai thác từ tháng 05/2010) và Cây xăng dầu (đưa vào khai thác từ tháng 8/2010). Doanh thu dự kiến đem lại trong năm 2010 từ việc đưa vào khai thác hai hạng mục nêu trên là 11,5 tỷ đồng.

- Kế hoạch Doanh thu ở trên của Công ty chưa tính đến việc đưa vào khai thác hoạt động cho thuê kho bãi tại khu Công nghiệp Thủy sản Thọ Quang. Từ tháng 05/2010, hoạt động cho thuê kho bãi được Công ty chính thức đưa vào khai thác, doanh thu dự kiến đem lại trong năm 2010 từ việc đưa vào khai thác hoạt động cho thuê kho bãi là 355 triệu đồng. Các năm tiếp theo sau khi đi vào hoạt động ổn định, dự kiến doanh thu đem lại là 1,5 tỷ đồng/năm.

Tính đến hết 6T/2010, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 216,4 triệu đồng, đạt 19,24% so với kế hoạch đề ra của năm 2010, trong đó lợi nhuận chủ yếu đem lại từ hoạt động vận tải. Nguyên nhân là do kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên đán kéo dài cộng với việc nền kinh tế còn khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nên đã phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch xuất, nhập khẩu hàng hóa nguyên liệu của chủ hàng trong 06 tháng đầu năm 2010. Ngoài ra, do Công ty phải giải tỏa di dời cây xăng dầu theo chủ trương của thành phố Đà Nẵng và chỉ mới đưa vào khai thác trở lại từ tháng 8/2010 tại Khu hậu cần Cảng địa phương. Bên cạnh đó, Công ty cũng mới đưa vào khai thác dịch vụ cho thuê kho bãi từ tháng 5/2010 tại Khu thủy sản Thọ Quang. Mặt khác, do tính chất bất bình hành của hàng hóa tại thị trường hoạt động chính của Công ty, nhu cầu vận chuyển hàng hóa của chủ hàng 06 tháng đầu năm thường thấp và chỉ gia tăng dần trong 06 tháng cuối năm. Vì vậy, lợi nhuận của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào hoạt động vận tải nên đã phần nào ảnh hưởng đến đến kết quả kinh doanh trong 06 tháng đầu năm. Tuy nhiên, khi hoạt động cho thuê kho bãi đi vào khai thác và hoạt động của cây xăng dầu đi vào ổn định Công ty rất tin tưởng có thể hòan thành kế hoạch đã đề ra.

14.2.3. Căn cứ để đạt kế hoạch các năm tiếp theo

Ngoài ra, để thúc đẩy sự phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010 và các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các mục tiêu hướng tới như sau:

❖ **Xây dựng và thực hiện tốt mục tiêu chiến lược**

- Công ty xây dựng các chính sách cơ bản và mục tiêu bộ phận mang tính khả thi và phấn đấu hoàn thành mục tiêu, đưa Portserco là doanh nghiệp có quy mô lớn gấp 2 - 3 lần so với hiện nay.
- Kế hoạch đầu tư năm 2010 - 2012 đòi hỏi phải sử dụng một nguồn lực tương đối lớn và phải đạt được hiệu quả cao nhất. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động, HĐQT sẽ hoàn chỉnh các dự án đầu tư và giám sát dự án hoạt động theo đúng kế hoạch, đảm bảo kế hoạch trả nợ và các chỉ tiêu tài chính khác của dự án.

❖ **Điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh**

Công ty Cổ phần Portseco xuất phát điểm là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo hình thức phụ thuộc nên phải thẳng thắn nhìn nhận, tư duy kinh doanh theo cơ chế thị trường của bộ phận doanh nghiệp còn rất hạn chế làm ảnh hưởng đến việc điều hành của lãnh đạo và một phần ảnh hưởng khả năng phát triển của doanh nghiệp chính vì thế trong thời gian tơi cần tập trung:

- Kiện toàn bộ máy điều hành, bao gồm việc rà soát, hoàn chỉnh các quy chế, quy trình hoạt động của Công ty và tổ chức bộ máy tham mưu, bộ máy sản xuất trực tiếp hoạt động theo định hướng, có chỉ tiêu cụ thể, có kiểm tra và đánh giá đúng.
- Hợp lý hoá chí phí kinh doanh.
- Gia tăng thị phần cung ứng dịch vụ logistics tại khu vực, phát triển hoạt động tại Dung quất và các thành phố lớn sau khi thiết lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, chú trọng phát triển kinh doanh thương mại.
- Tổ chức điều hành tốt hoạt động kinh doanh logistics, phát triển quan hệ liên kết với các Công ty logistics là ACUTECH và SMT để khai thác chủ động EWEC. Xây dựng mô hình hoạt động hiệu quả và gắn bó với Công ty liên kết PST.

❖ **Đổi mới mô hình tổ chức hoạt động và phát triển nguồn nhân lực**

- Trên cơ sở các đơn vị trực thuộc, kế hoạch đến giai đoạn 2010 - 2012, Công ty sẽ nâng cấp các đơn vị này thành Công ty con hoạt động phụ thuộc. Đây là nội dung quan trọng để tăng tính chủ động cho đơn vị, góp phần cùng với Công ty khai thác tốt thị trường.
- Với kế hoạch phát triển về mặt quy mô và mở rộng ngành nghề kinh doanh, một nhiệm vụ quan trọng để đáp ứng những yêu cầu mang tính đột phá là phát triển nguồn nhân lực. Trọng tâm của phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn tới là phát triển, đào tạo lực lượng cán bộ quản lý và đội ngũ nhân viên thật sự có trình độ, nhiệt huyết, trách nhiệm với công việc, gắn bó với hoạt động của doanh nghiệp. Tiến hành rà soát lao động và thông báo đào tạo bổ sung, đào tạo lại, một số trường hợp không đạt yêu cầu thì xóa hợp đồng Lao động.
- Chính sách tiền lương, thu nhập đảm bảo đời sống cán bộ, công nhân viên, gắn bó cuộc sống của nhân viên với hoạt động của doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này Công ty

phải nghiên cứu các chính sách tiền lương, thưởng tương xứng với năng lực, trình độ và kết quả công việc đã đạt được của từng bộ phận, cá nhân trong doanh nghiệp.

❖ **Huy động vốn cho chương trình đầu tư phát triển**

- Nghiên cứu lộ trình tăng vốn kinh doanh để đáp ứng yêu cầu đầu tư.
- Chủ động tìm kiếm, đàm phán để tiếp cận được các nguồn vốn vay thương mại có chi phí thấp.
- Theo dõi quá trình sử dụng vốn để đảm bảo tính hiệu quả của dự án đầu tư.

❖ **Đầu tư về công nghệ sản xuất**

- Tập trung hoàn chỉnh các ngành kinh doanh mang tính chất truyền thống (vận tải, thương mại, đại lý hàng hải), đưa vào khai thác và mở rộng dịch vụ logistics, từng bước trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics hàng đầu tại khu vực. Xây dựng hệ thống liên kết để hình thành mạng cung ứng dịch vụ logistics theo mô hình 3PLs và 4PLs. Đầu tư đội xe có năng lực vận tải lớn, hoạt động chuyên nghiệp, dự kiến xe Ben 12-15 chiếc, xe container 20-25 chiếc.
- Thực hiện cung cấp nguyên vật liệu cho khách hàng công nghiệp (từ 1-2 khách hàng).
- Tiếp tục san lấp mở rộng thêm mặt bằng tại khu Hậu cần Cảng địa phương (20.460m^2) so với mặt bằng đã san lấp và đưa vào khai thác trong năm 2010 tại phường Thọ Quang để kêu gọi đầu tư và đưa vào khai thác toàn bộ mặt bằng được cấp phép trong năm 2011.
- Mở rộng mạng lưới hoạt động của Công ty, thành lập các Chi nhánh, văn phòng đại diện tại các Thành phố lớn trong cả nước và các Cảng khu vực.
- Hoàn chỉnh kinh doanh dịch vụ logistics tại khu vực; phát triển khai thác tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây.
- Thị phần cung ứng nguyên liệu tăng trưởng 10%/năm, hoạt động thương mại sẽ chiếm tỷ lệ doanh số từ 40-50% doanh số hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với góc độ là một tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Portserco như sau:

Trong những năm gần đây, môi trường kinh tế - xã hội Việt Nam ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP trên 7%/năm. Việc thực thi Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ, hội nhập AFTA và trở thành thành viên chính thức của WTO là những yếu tố thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển. Do vậy, triển vọng phát triển của nền kinh tế nói chung, của Ngành vận tải đa phương thức nói riêng rất khả quan. Tốc độ tăng trưởng kinh tế kéo theo quá trình mở rộng giao thương diễn ra nhanh, nhu cầu về vận chuyển hàng hóa trong nước cũng như xuất khẩu tăng mạnh. Trong 10 -15 năm tới, dưới sự chỉ đạo theo hướng ngày càng hoàn thiện và phát triển Ngành Hàng hải Việt Nam của Chính phủ, có thể thấy một Ngành vận tải đa phương thức được trang bị đầy đủ về nguồn nhân lực, vật lực và tăng cường vị thế cạnh tranh trên thị trường thế giới. Trước xu thế đó, Công ty Cổ phần Portserco đã mạnh dạn tiến hành đầu tư, trang bị kỹ thuật công nghệ hiện đại, xây dựng thương hiệu và từng bước hoàn thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho các ngành kinh doanh của mình như kinh doanh vận tải đa phương thức, dịch

vụ hàng hải, dịch vụ logistics và các lĩnh vực khác cũng hứa hẹn đem lại lợi nhuận lớn trong thời gian tới.

Như vậy, nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong giai đoạn 2010 - 2012 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm Công ty đề ra nhằm đảm bảo được mức lợi tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty Cổ phần Portserco.

- Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

- Không có

PHẦN V

CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phần phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 1.200.000 cổ phần
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết	*Trong vòng 6 tháng tiếp theo*
1	Nguyễn Xuân Dũng	Chủ tịch HĐQT	5.000	2.500
2	Nugyễn Lê Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	30.000	15.000
3	Trần Viết Hoè	Thành viên HĐQT	10.240	5.120
4	Dương Thị Huê	Thành viên HĐQT	2.000	1.000
5	Lê Văn Xuân	Thành viên HĐQT	3.020	1.510
6	Tôn Thị Kim Tuyến	Trưởng BKS	4.000	2.000
7	Âu Thị Mai Hoa	Thành viên BKS	5.000	2.500
8	Lê Nam Hùng	Thành viên BKS	6.000	3.000
	Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng		**65.260**	**32.630**

Nguồn: Công ty cổ phần Portserco

- Tiết d, Điểm 1, Điều 9, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán quy định: "Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ".
- Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: **65.260** cổ phần

5. **Phương pháp tính giá:**

Giá trị sổ sách của cổ phần được tính theo mức mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần và tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

❖ **Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2008**

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	13.498.361.292
Nguồn kinh phí và quỹ khác (VNĐ)	(59.419.472)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	1.178.890
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (VNĐ)	11.500

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 của Công ty cổ phần Portserco

❖ **Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2009**

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	29.082.726.094
Nguồn kinh phí và quỹ khác (VNĐ)	874.268.734
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	1.178.890
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (VNĐ)	23.928

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 của Công ty cổ phần Portserco

❖ **Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 30/06/2010**

Chỉ tiêu	Giá trị
Vốn chủ sở hữu (VNĐ)	26.415.595.392
Nguồn kinh phí và quỹ khác (VNĐ)	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	1.178.890
Giá trị sổ sách của cổ phiếu (VNĐ)	22.407

Nguồn: Báo cáo tài chính 6T/ 2010 của Công ty cổ phần Portserco

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

❖ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Portserco không có quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người đầu tư nước ngoài.

- Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Việt Nam hiện hành. Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo các quy định của Pháp luật tại thời điểm tương ứng.
- Hiện nay, căn cứ theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được phép nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty tính đến thời điểm 20/08/2010 là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

- **Thuế giá trị gia tăng: áp dụng các mức thuế suất sau:**
  - Dịch vụ vận chuyển, sửa chữa cơ khí: áp dụng thuế suất thuế GTGT là 5%
  - Thuế suất 10% đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu và dịch vụ ăn uống tại căng tin
  - Hoạt động kinh doanh hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**
  - Trước năm 2008, áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 28%, từ năm 2009 áp dụng mức thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
  - Trong Quý IV năm 2008 và năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 03/2009/TT - BTC ngày 13/11/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN theo Nghị quyết số 30/2008/NQ - CP ngày 11/12/2008 về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

PHẦN VI

CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Trụ sở : Tầng 3 Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

ĐT : (84)-(4) 35771733

Fax : (84)-(4) 35771741

Email : chungkhoanthudo@cscj.vn

Website : http://chungkhoanthudo.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ : 217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

ĐT : (84)-(511) 3655886

Fax : (84)-(511) 3655887

Email : aac@dng.vnn.vn

Website : http://www.aac.com.vn

PHẦN VII

PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II** : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục III** : Giới thiệu những Văn bản Pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
   - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2008 của Công ty cổ phần Portserco.
   - Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ III ngày 07 tháng 03 năm 2009 chấp thuận việc niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Portserco trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
   - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 của Công ty cổ phần Portserco.
   - Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Portserco trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
   - Nghị quyết HĐQT thông qua việc sửa đổi Điều lệ.
4. **Phụ lục IV**: Báo cáo kiểm toán *(Bản sao)*
   - Báo cáo tài chính 6T/2010
   - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009
   - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008
5. **Các phụ lục khác**
   - Quy chế quản trị công ty
   - Sơ yếu lý lịch thành viên
   - Danh sách thành viên chủ chốt và người có liên quan

Đà Nẵng, ngày … tháng … năm 2010

DẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN PORTSERCO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN XUÂN DŨNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**GIÁM ĐỐC**	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
TÔN THỊ KIM TUYẾN	**NGUYỄN LÊ MINH**	**DƯƠNG THỊ HUÊ**

Hà Nội, ngày … tháng … năm 2010

DẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯƠNG QUỐC HÙNG